



**CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

1. Thời gian: **8h30** ngày **22** tháng **04** năm **2020**.
2. Địa điểm: **TP. Khách sạn Victory 14 Võ Văn Tần, P6, Q3, Tp. HCM**
3. Nội dung:

8h00 - 8h30	Đăng ký tham dự Đại hội và kiểm tra tư cách cổ đông.
8h30 - 8h40	<ul style="list-style-type: none">- Chào cờ (Nhạc, hát Quốc ca), tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu.- Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.- Giới thiệu và thông qua Đoàn Chủ tịch và Thư ký đại hội.- Giới thiệu và thông qua Ban kiểm phiếu.
8h40 - 9h00	Thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế làm việc tại Đại hội.
9h00 - 10h15	<ul style="list-style-type: none">- Báo cáo của Ban TGD về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và kế hoạch năm 2021, nhiệm kỳ 2021-2025 của Tổng công ty VLXD số 1 - CTCP.- Báo cáo của HĐQT năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Ban Kiểm soát.- Tờ trình sửa đổi Điều lệ Tổng công ty.- Tờ trình sửa đổi Quy chế quản trị Tổng công ty.- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của HĐQT Tổng công ty.- Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty.- Tờ trình miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty.- Tờ trình miễn nhiệm Thành viên Ban Kiểm soát Tổng công ty.- Tờ trình thông qua BCTC 2020 đã kiểm toán của Tổng Công ty.- Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận và tỷ lệ trích lập các quỹ năm 2020.- Báo cáo mức thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và Tờ trình đề xuất mức thù lao của HĐQT, BKS năm 2021.- Tờ trình về lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021.
10h15 - 10h45	Đại hội thảo luận và biểu quyết thông qua các Tờ trình, Báo cáo.
10h45 - 11h15	<ul style="list-style-type: none">- Bầu cử Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026.- Bầu cử Thành viên BKS nhiệm kỳ 2021-2026.



11h15 - 11h30	Nghi giải lao
11h30 - 11h45	Ban kiểm phiếu thông báo kết quả kiểm phiếu.
11h45 - 12h00	Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.
12h00	Tuyên bố bế mạc Đại hội.



BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2020
VÀ MỤC TIÊU KẾ HOẠCH SXKD 2021, NHIỆM KỲ 2021-2025.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty VLXD số 1-CTCP

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty VLXD số 1-CTCP;
- Căn cứ tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2020 của Tổng công ty VLXD số 1 – CTCP.

Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc Tổng công ty VLXD số 1 – CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và mục tiêu kế hoạch, giải pháp năm 2021, nhiệm kỳ 2021-2025 của Tổng công ty VLXD số 1-CTCP gồm các nội dung sau:

I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020:

1. Đặc điểm tình hình:

Năm 2020 là năm đặc biệt khó khăn đối với nền kinh tế Thế giới và Việt Nam do tình hình dịch bệnh Covid -19.

Đối với Tổng công ty FiCO, đầu năm 2020 dư vay ngắn hạn ở mức cao, năm chủ yếu ở hàng tồn kho và công nợ phải thu, do vậy tiềm ẩn nhiều nguy cơ và rủi ro về hiệu quả kinh doanh và thu hồi vốn.

Nhằm chủ động ứng phó tình hình khó khăn nêu trên, ban lãnh đạo Công ty đã triển khai thực hiện song song hai giải pháp: Tái cấu trúc hoạt động nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh kết hợp tăng cường hoạt động quản trị rủi ro trong toàn hệ thống. Kết quả hoạt động của Tổng công ty FiCO năm 2020, như sau:

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2020.

2.1 Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2020.

DVT: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch 31/12/2020	Thực hiện 31/12/2020	% So với	
					KH	Cùng kỳ
1.	Doanh thu					
-	Báo cáo Hợp nhất	3.867.634	3.822.000	2.731.946	71%	71%
-	Công ty mẹ riêng	3.084.501	1.737.000	2.054.163	118%	67%

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch 31/12/2020	Thực hiện 31/12/2020	% So với	
					KH	Cùng kỳ
2.	Lợi nhuận trước thuế					
-	Báo cáo Hợp nhất	56.849	120.000	103.309	86%	182%
-	Công ty mẹ riêng	35.532	15.000	26.178	175%	74%
+	<i>Lợi nhuận hoạt động</i>	66.987		90.646		135%
+	<i>Các khoản trích lập.</i>	31.455		64.468		205%
3.	Tiền và tương đương tiền	86.273	50.000	210.699	421%	244%
4.	Phải thu khách hàng	493.867	400.000	355.971	89%	72%
5.	Hàng tồn kho	719.160	350.000	319.006	91%	44%
6.	Nợ ngắn hạn	1.485.540	1.100.000	936.500	85%	63%
-	<i>Nợ Ngân hàng</i>	<i>1.137.755</i>	<i>860.000</i>	<i>675.272</i>	<i>79%</i>	<i>59%</i>
-	<i>Phải trả người bán</i>	<i>124.601</i>	<i>140.000</i>	<i>148.329</i>	<i>106%</i>	<i>119%</i>

Đánh giá chung: Tại thời điểm 31/12/2020 các chỉ số tài chính của Tổng công ty đã được cải thiện rõ rệt và tích cực so với đầu năm. Hiệu quả SXKD hợp nhất đạt 103 tỷ đồng, tăng 82% (tương ứng 47 tỷ đồng) so với cùng kỳ năm 2019; Lợi nhuận hoạt động của Công ty mẹ riêng đạt 26 tỷ đồng, vượt 73% so với kế hoạch được giao; trong đó lợi nhuận hoạt động trước khi trích lập dự phòng đạt 90 tỷ đồng tăng 35% so với cùng kỳ năm 2019.

2.2 Một số giải pháp đã thực hiện:

a) Đối với hoạt động quản trị, điều hành của Công ty mẹ:

- Tái cấu trúc, sắp xếp lại các ban chức năng theo mô hình quản trị mới nhằm đáp ứng mục tiêu tinh gọn, hiệu quả và nâng cao hoạt động quản trị chi phí hoạt động của Tổng công ty.

- Tái cấu trúc tài chính: Với áp lực lớn từ việc dư nợ lớn, mất cân đối dòng tiền ngắn hạn trong bối cảnh khó khăn trong việc bán hàng tồn kho và thu nợ đọng... Tổng công ty đã thực hiện tốt việc cân đối dòng tiền, giảm, giảm dư nợ, giảm lãi suất...song song với việc nắm bắt cơ hội từng bước bán hàng tồn kho để giảm thiểu tối đa thiệt hại vốn và thu hồi công nợ. Đến quý IV/2020 tình hình tài chính của Tổng công ty đã về trạng thái cân đối, an toàn, giảm tổn thất đáng kể so với kế hoạch trong việc xử lý hàng tồn kho và công nợ.

- Sắp xếp nhân sự chủ chốt cho các lĩnh vực: Hoàn thành việc sắp xếp, bổ nhiệm nhân sự chủ chốt đối với các lĩnh vực chính của Tổng công ty theo định hướng tập trung lãnh đạo trực tiếp, giảm bớt khâu trung gian, nâng cao vị trí, vai trò của Công ty mẹ đối với hoạt động của các Công ty thành viên.

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro: Nhằm chủ động phòng ngừa các rủi ro về tài chính và kinh doanh đã và có thể sẽ ảnh hưởng đến an toàn tài chính của Tổng công ty.

Năm 2020 Tổng công ty đã chú trọng hoạch định và kiên định thực thi các biện pháp nhằm chủ động phòng ngừa rủi ro:

+ Dừng sử dụng nguồn vốn vay cho các hoạt động kinh doanh kém hiệu quả, tiềm ẩn rủi ro;

+ Xây dựng lộ trình giảm dư nợ vay phù hợp với nhu cầu và thực tiễn hoạt động của Tổng công ty;

+ Ban hành và tổ chức thực hiện tốt định mức về tồn kho, dư nợ phải thu đối với Công ty thương mại.

b) Đối với các công ty con:

* Lĩnh vực Thương mại:

- Chi nhánh FiCO Hà Nội: Sau nhiều năm hoạt động không có hiệu quả, đến nay Tổng công ty đã hoàn thành việc ngừng hoạt động, giải quyết chế độ chính sách cho toàn bộ CBNV chi nhánh và đang tiến hành thủ tục quyết toán thuế để giải thể Chi nhánh theo Nghị quyết của HĐQT Tổng công ty.

- Công ty Thương mại VLXD FiCO: Năm 2020 Tổng công ty đã chỉ đạo thực hiện tái cấu trúc toàn diện để tập trung vào hiệu quả và bảo toàn vốn, với các nhóm giải pháp: Cấu trúc nhân sự, cấu trúc lại ngành nghề kinh doanh để giải thể các bộ phận kinh doanh không hiệu quả, ban hành các quy chế khoán quản, quy chế tiền lương, các định mức quản trị rủi ro... Kết quả năm 2020 đã chuyển biến tích cực rõ rệt, đã giảm lỗ trên 55 tỷ đồng so với năm 2019.

* Lĩnh vực gạch ốp lát:

Đã hoàn thành công tác cấu trúc lại hoạt động của Công ty FiCOCOM theo đề án thành lập để tập trung vào hoạt động bán hàng, mở rộng thị trường tiêu thụ cũng như cung ứng vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào cho cả nhóm Ốp lát.

Hoàn thành công tác sắp xếp lại tổ chức, củng cố các vị trí lãnh đạo chủ chốt tại các đơn vị sản xuất theo định hướng quản trị tập trung của Tổng công ty.

Kết quả năm 2020 toàn nhóm SXKD ổn định và có hiệu quả.

* Lĩnh vực khoáng sản:

Năm 2020, Tổng công ty tập trung chỉ đạo đối với hai công ty: Phước Hòa và cát Cam Ranh trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ, chủ động ứng phó với việc suy giảm sản lượng của các khách hàng lớn để đảm bảo hiệu quả kinh doanh chung. Năm 2020 hai đơn vị đều phát huy được năng lực sản xuất kinh doanh và đạt hiệu quả cao.

Bên cạnh đó Tổng công ty chủ trì triển khai các giải pháp để hoàn thiện các khung pháp lý về mỏ đối với hai Công ty, cụ thể:

- Công ty TNHH MTV cát Cam Ranh FiCO: Hoàn thiện bước đầu các thủ tục pháp lý đối với khu mỏ hiện hữu để đảm bảo khai thác hết trữ lượng còn lại; đồng thời hoàn thành thủ tục xin cấp khu mỏ mới đã được địa phương và các Bộ ngành thống nhất trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Công ty cổ phần Phước Hòa FiCO: Chỉ đạo rà soát, bổ sung các thủ tục cần thiết và hỗ trợ làm việc với các đơn vị có liên quan tại địa phương nhằm hoàn thành thủ tục thuê đất toàn bộ khu mỏ theo quy định.

c) Đối với các Công ty liên doanh, liên kết:

Củng cố vai trò, trách nhiệm đối với người đại diện; duy trì hiệu quả cao đối với các lĩnh vực chủ chốt và các đơn vị có vốn góp lớn của FiCO như Công ty cổ phần Xi măng FiCO Tây Ninh, Công ty cổ phần Hóa An...

3. Những mặt hạn chế cần tiếp tục hoàn thiện:

- Tiếp tục kiện toàn, cấu trúc lại và quản trị hoạt động, chi phí của Công ty mẹ đảm bảo: Minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả.

- Công ty thương mại: Mặc dù đã có chuyển biến tích cực trong hoạt động kinh doanh, nhưng chưa bù đắp được tổn thất do xử lý các tồn tại các năm trước (Thanh lý các kho bãi lĩnh vực than khoáng sản, hàng tồn kho...) kết quả hoạt động năm 2020 vẫn phát sinh lỗ.

- Lĩnh vực gạch ốp lát: Công ty cổ phần gạch Đông Nam Á hoạt động vẫn chưa có hiệu quả, lỗ phát sinh cao, chưa đảm bảo cân đối được dòng tiền hoạt động.

- Lĩnh vực khoáng sản: Chưa hoàn thành dứt điểm được các thủ tục pháp lý về đất đai tại Cty CP Phước Hòa FiCO và thủ tục xin cấp mỏ mới tại Công ty cát Cam Ranh FiCO.

- Đầu tư phát triển: Do ảnh hưởng bởi các yếu tố khách quan, chủ quan, năm 2020 công tác đầu tư phát triển của Tổng công ty chưa thực hiện được mục tiêu đặt ra đối với các dự án: Nhà máy chế biến bột Silica; dự án FICOSTAR; Dự án BOT...

II. MỤC TIÊU KẾ HOẠCH NHIỆM KỲ 2021-2025:

1. Đặc điểm tình hình:

Trong 5 năm tới, dự báo tăng trưởng kinh tế nước ta có thể đạt khoảng 6,8%/năm, thuộc TOP các nước có tốc độ tăng trưởng cao trong khu vực và Thế giới. Ngành xây dựng cả nước nói chung và khu vực phía Nam tiếp tục có bước phát triển vượt bậc với nhiều dự án lớn, trọng điểm Quốc gia. Đây là những yếu tố thuận lợi cơ bản để các doanh nghiệp xây dựng, vật liệu xây dựng đầu tư, phát triển.

Bên cạnh đó, nền kinh tế nói chung vẫn tiềm ẩn nhiều thách thức từ tác động của nền kinh tế Thế giới do bất ổn về dịch bệnh, chiến tranh...

Đối với Tổng công ty FiCO trong 1 đến 2 năm tới vẫn được xác định thuộc giai đoạn tái cấu trúc, củng cố các nguồn lực cần thiết để đầu tư phát triển trong giai đoạn tiếp theo. Từ những kết quả đã đạt được trong năm 2020, tình hình hiện tại và những thời cơ, thách thức. Tổng công ty FiCO xây dựng các mục tiêu kế hoạch năm 2021 và nhiệm kỳ 2021 - 2025 như sau:

2. Mục tiêu tổng quát nhiệm kỳ 2021-2025:

Đảm bảo hoạt động SXKD có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty. Hoàn thành công tác tái cơ cấu doanh nghiệp, quyết toán bàn giao vốn và thoái vốn Nhà nước tại FiCO theo kế hoạch.

3. Kế hoạch, mục tiêu cụ thể năm 2021, nhiệm kỳ 2021-2025:

3.1 Hiệu quả hoạt động SXKD:

- Nhiệm kỳ 2021-2025: Đảm bảo tăng trưởng hiệu quả 6-8%/năm; cổ tức năm 2025 đạt 8%.

- Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2021:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	%
1.	Doanh thu				
-	Công ty mẹ riêng	tr.đồng	2.054.163	1.300.000	63
-	Công ty mẹ hợp nhất	tr.đồng	2.731.946	2.000.000	73
2.	Lợi nhuận trước thuế				
-	Công ty mẹ riêng	tr.đồng	26.178	31.000	118
-	Công ty mẹ hợp nhất	tr.đồng	103.266	128.000	124
3.	Cổ tức				
-	Tổng giá trị chia cổ tức	tr.đồng	-	38.100	
-	Tỷ lệ	%	-	3	

Ghi chú: Doanh thu 2021 giảm so với năm 2020 do đã dừng/giải thể chi nhánh FiCO Hà nội, tái cấu trúc, dừng kinh doanh các ngành hàng kinh doanh hiệu quả thấp và tiềm ẩn rủi ro cao thuộc lĩnh vực thương mại.

3.2 Quy mô các lĩnh vực chủ yếu đến năm 2025:

- Doanh thu lĩnh vực xi măng, bê tông: 6.000 tỷ đồng;
- Doanh thu lĩnh vực khoáng sản: 1.000 tỷ đồng;
- Doanh thu lĩnh vực Vật liệu hoàn thiện: 2.000 tỷ đồng;
- Thương mại và dịch vụ và kinh doanh khác: 1.000 tỷ đồng.

4. Định hướng một số nhóm giải pháp trọng tâm thực hiện.

4.1 Công tác tái cơ cấu, nâng cao hiệu quả SXKD:

a) Hoạt động công ty mẹ:

- Tiếp tục tái cấu trúc/sắp xếp lại/tinh giảm biên chế các phòng, ban chức năng để nâng cao hiệu quả hoạt động quản trị và điều hành Tổng công ty, đồng thời tiết giảm chi phí hoạt động 5-10% so với năm 2020;

- Tổ chức thực hiện tốt công tác thoái vốn đầu tư của Tổng công ty theo đề án tái cơ cấu đã được duyệt để thu hồi và tập trung nguồn lực cho chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025;

- Quản trị nguồn vốn vay minh bạch, hiệu quả đối với từng hoạt động;
- Quản trị chi phí và chất lượng sản phẩm đối với các đơn vị sản xuất;
- Xây dựng chiến lược phát triển FiCO 2021-2025 phù hợp từng giai đoạn và đảm bảo tăng trưởng bền vững trong các năm tiếp theo.

b) Các đơn vị sản xuất:

Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và an toàn, hiệu quả trong sản xuất như:

- Chú trọng công tác sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Lựa chọn nguồn cung cấp nguyên vật liệu ổn định, chất lượng cao;
- Thu hút và đào tạo nguồn nhân lực;
- Củng cố và kiểm soát chặt chẽ quy trình công nghệ sản xuất;
- Tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản xuất thông qua việc: quản lý chặt chẽ các định mức tiêu hao để tổ chức khoán quản; Thực hiện việc đấu thầu cung cấp nguyên vật liệu đầu vào; Kiểm soát chặt chẽ quá trình nhập, xuất và quản lý nguyên liệu, vật tư trong sản xuất; Thực hiện quản trị chi phí sản xuất kinh doanh hàng ngày; tối ưu hóa nguồn vốn qua việc hợp lý hóa công tác dự trữ nguyên vật liệu...

- Phát huy sáng kiến cải tiến.

c) Các đơn vị kinh doanh, thương mại:

- Chú trọng công tác quảng bá, phát triển thương hiệu;
- Phát triển thị trường, mở rộng hệ thống phân phối;
- Tối ưu hóa hệ thống/chi phí logistic để giảm chi phí kinh doanh;
- Định hướng cho các đơn vị sản xuất trong việc đầu tư phát triển các sản phẩm mới; dịch chuyển sản phẩm sang các sản phẩm có giá trị và hiệu quả kinh doanh cao.

4.2 Công tác đầu tư phát triển:

- Tiếp tục thực hiện các dự án chuyển tiếp:

+ Dự án đầu tư Nhà máy chế biến bột Silica công suất 55.000 tấn/năm: Hoàn thành đầu tư trong quý III/2021;

+ Dự án FiCO STAR : Thực hiện khởi công và đầu tư dự án sau khi được Hội đồng quản trị Tổng công ty thông qua phương án cụ thể;

- Xây dựng và thực hiện chiến lược đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025, tập trung vào lĩnh vực chính của Tổng công ty, gồm:

+ Đầu tư các mỏ khoáng sản mới: Cát trắng, cát xây dựng, đá xây dựng;

38
3TY
/DU
C
N.Y
CHI

+ Đầu tư (chú trọng hoạt động M&A) đối với lĩnh vực Xi măng, gạch ốp lát, đá nhân tạo, VLXD mới... để tăng quy mô đáp ứng mục tiêu phát triển FiCO;

+ Tham gia đầu tư các dự án hạ tầng giao thông theo hình thức BT, BOT ;

5. Một số nhiệm vụ, giải pháp cụ thể năm 2021 đối với các đơn vị:

a) Khoáng sản:

- Công ty cổ phần Phước Hoà FiCO: Hoàn thành thủ tục pháp lý về quyền sử dụng đất (quí III/2021), tiếp tục công tác sắp xếp và tái cấu trúc các khai trường, đầu tư nâng công suất khai thác, nâng cao hiệu quả SXKD;

- Công ty TNHH MTV – Cát Cam Ranh FiCO:

+ Hoàn thành thủ tục pháp lý để duy trì sản xuất ổn định, hiệu quả và tối đa thời gian cho phép tại khu mỏ 100ha hiện hữu;

+ Tìm kiếm giải pháp về hợp tác đầu tư để hoàn thành dự án đầu tư Nhà máy chế biến bột Silica tại Công ty cát Cam Ranh FiCO làm cơ sở cho việc xin cấp mỏ cát trắng mới;

- Công ty cổ phần Hoá An: Đầu mối xúc tiến công tác tìm kiếm, đầu tư các khu mỏ mới hoặc đầu tư M&A lĩnh vực khoáng sản của Tổng công ty.

b) Vật liệu hoàn thiện:

- Xây dựng và phát triển Công ty FiCOCOM đáp ứng các yêu cầu phát triển thị trường; tăng trưởng sản lượng tiêu thụ; dẫn dắt các đơn vị sản xuất để:

+ Đảm bảo duy trì hoạt động ổn định, hiệu quả đối với Công ty Thanh Thanh và Vitaly;

+ Đảm bảo sản lượng, doanh thu và dòng tiền ổn định cho Công ty ASEAN.

- Xúc tiến và tìm kiếm cơ hội hợp tác đầu tư các sản phẩm ốp lát mới có giá trị gia tăng cao, phù hợp với xu thế thị trường và phát huy được những lợi thế về khoáng sản và vật liệu xây dựng của Tổng công ty;

c) Thương mại:

- Tiếp tục công tác ổn định tổ chức tại Công ty TNHH MTV – Thương mại VLXD FiCO để tập trung các giải pháp thúc đẩy hoạt động kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giảm nợ phải thu, đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 được giao; Trong đó:

+ Hoàn thiện cơ chế lương, thưởng và khoán quản, gắn thu nhập của CBCNV với hiệu quả hoạt động của từng bộ phận kinh doanh và Công ty;

+ Tiếp tục tái cấu trúc, tinh giảm biên chế, sáp nhập/giải thể đối với các phòng kinh doanh không có hiệu quả trong quý II/2021;

+ Xây dựng cơ chế tương tác và kinh doanh minh bạch giữa Tổng công ty và Công ty Thương mại, đảm bảo không ảnh hưởng đến chi phí và hiệu quả của Tổng công ty;

d) Xi măng, Bê tông:

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của Người đại diện FiCO tại các đơn vị, tăng cường sự tương tác, quản trị minh bạch... để đảm bảo duy trì hoạt động SXKD hiệu quả cao, theo kế hoạch của từng đơn vị;

- Thực hiện công tác đầu tư phát triển tại Xi măng Tafico để nâng cao sản lượng, chất lượng và sức cạnh tranh trên thị trường.

e) Hạ tầng, Bất động sản:

- Hoàn thành các thủ tục pháp lý cần thiết để khởi công dự án Khu nhà ở FiCO STAR vào quý III/2021;

- Tiếp tục xúc tiến đầu tư lĩnh vực hạ tầng giao thông tại các dự án trọng điểm tại TP Hồ Chí Minh và các tỉnh Nam Bộ nhằm hỗ trợ tối đa cho lĩnh vực vật liệu xây dựng của Tổng công ty trong các năm tiếp theo.

6. Công tác quyết toán, bàn giao vốn và thoái vốn nhà nước:

Tổ đại diện vốn Nhà nước tại FiCO phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban điều hành FiCO để triển khai thực hiện các bước công việc cần thiết theo quy định để hoàn thành việc quyết toán bàn giao vốn và thoái vốn Nhà nước theo lộ trình:

- Hoàn tất việc phê duyệt quyết toán, bàn giao vốn Nhà nước sang Công ty cổ phần: Trong quý III/2021;

- Hoàn thành thoái vốn Nhà nước: trong quý IV/2021.

III. KẾT LUẬN.

Năm 2020 cũng như các doanh nghiệp khác trong cả nước, FiCO bị ảnh hưởng và tác động mạnh bởi đại dịch Covid-19. Được sự định hướng, chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời của HĐQT và sự quyết tâm, sáng tạo của tập thể lãnh đạo, CBCNV, Tổng công ty FiCO đã nắm bắt, tận dụng mọi cơ hội, từng bước tháo gỡ khó khăn, thực hiện hoàn thành các mục tiêu đã được đại hội đồng cổ đông và HĐQT giao.

Với những kết quả đã đạt được, và cơ hội năm 2021, giai đoạn 2021-2025 nêu trên. Ban lãnh đạo Tổng công ty FiCO tin tưởng rằng các mục tiêu kế hoạch, giải pháp thực hiện được trình bày trong báo cáo này là phù hợp và có tính khả thi để thực hiện. Kính trình đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TỔNG CÔNG TY VLXD SỐ 1- CTCP
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Xuân Cường

Số: 105/BC-HĐQT

TP.HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2020
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020.
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Vật Liệu Xây Dựng Số 1 - CTCP được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/09/2016.
- Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-ĐHĐCĐ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/06/2020.
- Căn cứ hoạt động của HĐQT và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng công ty.

Hội đồng quản trị báo cáo tình hình hoạt động năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021 cụ thể như sau:

I. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020:

1. Cơ cấu HĐQT:

- ❖ Hội đồng quản trị Tổng công ty Vật Liệu Xây Dựng Số 1 - CTCP năm 2020 gồm:
 - Ông Tô Dũng - Chủ tịch HĐQT
 - Ông Nguyễn Xuân Thắng - TV HĐQT
 - Ông Hồ Đình Thuận - TV HĐQT
 - Ông Võ Thành Nhân - TV HĐQT
 - Bà Đỗ Thị Hiếu - TV HĐQT

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 cuộc họp trực tiếp và 48 đợt lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành tổng cộng 169 văn bản trong đó có 85 nghị quyết/quyết định và 84 văn bản khác.

- ❖ Phân công thực hiện nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị:
 - Ông Tô Dũng – Chủ tịch HĐQT: Phụ trách chung
 - Ông Nguyễn Xuân Thắng – Thành viên HĐQT: Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ điều hành Tổng công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.
 - Ông Hồ Đình Thuận – Thành viên HĐQT: Phó Tổng giám đốc thường trực.

- Ông Võ Thành Nhân – Thành viên HĐQT: Phụ trách lĩnh vực khoáng sản và quản trị Tổng công ty.
- Bà Đỗ Thị Hiếu – Thành viên HĐQT: Phụ trách công tác tài chính của Tổng công ty.

❖ **Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các Thành viên HĐQT:**

Năm 2020, các Thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức trách, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ và Quy chế Tổng công ty; góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của Tổng công ty được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 giao cho.

2. Kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định HĐQT:

2.1. Về công tác tái cấu trúc hệ thống quản trị:

- Trong năm 2020, HĐQT đã ban hành nhiều nghị quyết, quyết định liên quan đến công tác sắp xếp nhân sự cấp quản lý tại Công ty mẹ và các Công ty con theo hướng quản lý tập trung, giảm bớt khâu trung gian và kiện toàn Người đại diện phần vốn FiCO tại các đơn vị thành viên.
- Tái cấu trúc hoạt động của các đơn vị thành viên: HĐQT đã thông qua chủ trương và triển khai thực hiện chấm dứt hoạt động của Chi nhánh FiCO Hà Nội; Điều chuyển bộ phận cung ứng của Công ty mẹ Tổng công ty sang Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản phẩm FiCO; Tái cấu trúc hoạt động của Công ty TNHH MTV Thương mại VLXD FiCO theo hướng tinh gọn và hiệu quả.
- Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ nhằm rà soát, đánh giá và xử lý các sai sót trong quá trình quản lý doanh nghiệp tại Công ty mẹ và các đơn vị thành viên Tổng công ty.

2.2. Về công tác tài chính kế toán:

- Tiếp tục triển khai và hoàn thiện hệ thống kế toán quản trị tại các Đơn vị thành viên của Tổng công ty, cụ thể hóa hơn các yêu cầu quản lý đối với các nội dung như: kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác quản lý công nợ, quản lý hàng tồn kho, kế hoạch ngân sách, kế hoạch kinh doanh ...
- Thực hiện tương đối tốt việc cân đối dòng tiền, giãn, giảm dư nợ tín dụng, giảm lãi suất vay, xử lý hàng tồn kho và thu hồi nợ của khách hàng... đảm bảo nguồn vốn, dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Đến cuối năm 2020, tình hình tài chính của Tổng công ty và một số Đơn vị thành viên đã tương đối ổn định, giảm rủi ro so với thời điểm đầu năm.
- Trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và Công văn của Bộ Xây dựng, HĐQT đã thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế, chia cổ tức và trích lập các quỹ.
- HĐQT đã phê duyệt chủ trương thanh lý tài sản tại Kho than Gò Dầu, kho Đồng Nai, Nhà máy cán kéo thép Bình Dương và Xí nghiệp khai thác đá Thống Nhất nhằm thu hồi vốn của Tổng Công ty tại các đơn vị kinh doanh kém hiệu quả.

2.3. Về công tác đầu tư và M&A:

- Các khoản đầu tư tài chính:

- + Ngày 20/02/2020, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã thông qua việc thoái vốn toàn bộ 175.548 cổ phần của FiCO sở hữu tại Ngân hàng HDBank.
- + Ngày 23/09/2020, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã thông qua việc thoái vốn của Tổng công ty sở hữu tại Công ty CP Đầu tư Kinh doanh VLXD FiCO (BMT).
- + Ngày 19/11/2020, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã thông qua việc thoái vốn toàn bộ 4.706.127 cổ phần của FiCO tại Công ty CP Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (TTF).
- + Đối với các khoản đầu tư tài chính lớn tại các Công ty liên doanh, liên kết: Công ty CP Xi măng FiCO Tây Ninh, Công ty CP Hóa An,... HĐQT có chỉ đạo cùng cố vai trò và nâng cao trách nhiệm của Người đại diện phần vốn FiCO.
- + Đối với các khoản đầu tư tại công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư tài chính khác: HĐQT chỉ đạo xây dựng phương án quản lý cụ thể đối với từng khoản đầu tư tại doanh nghiệp khác, từng bước thoái vốn, sắp xếp cơ cấu lại danh mục đầu tư cho phù hợp với định hướng phát triển của Tổng Công ty.

- Các dự án đầu tư của Tổng công ty:

- + Dự án FiCO Home - Phan Huy Ích: Hội đồng quản trị đã kiến toàn Ban Quản lý Dự án để triển khai thực hiện dự án. Tiến độ dự án:
Tổng công ty đang rà soát và đánh giá hiệu quả dự án để chuẩn bị thi công xây dựng. Phối hợp với các Sở Ban ngành liên quan để hoàn tất công tác thẩm định giá, chờ cấp GCNQSDĐ để đưa vào hồ sơ quyết toán bàn giao vốn Nhà nước.
- + Dự án BOT Tân Vạn – Nhơn Trạch: Đã hoàn tất các thủ tục vòng sơ tuyển. Hiện nay Bộ GTVT và các cơ quan có liên quan đang bị vướng mắc, chưa đủ các văn bản pháp luật làm hành lang pháp lý điều chỉnh cho hoạt động đầu tư theo hình thức PPP dẫn đến việc chậm tiến độ triển khai theo kế hoạch. Sau khi có thông báo mời thầu sẽ tiến hành nộp hồ sơ dự thầu theo quy định.
- + Dự án đầu tư khai thác mỏ đá Phước Hòa: Tiếp tục triển khai việc quy hoạch, khai thác, bán sản phẩm cho đối tác theo phương thức mới; mở rộng thị trường tiêu thụ và thực hiện thủ tục thuê toàn bộ khu mỏ theo quy định pháp luật.
- + Dự án đầu tư Nhà máy chế biến bột Silica: Đã tiến hành các thủ tục điều chỉnh dự án; trong đó, điều chỉnh về chất lượng sản phẩm, thiết bị công nghệ, giải pháp về kết cấu công trình, tổng mức đầu tư và các chỉ tiêu kinh tế tài chính. Đấu thầu và lựa chọn nhà thầu theo quy định, đang tiến hành xây dựng nhà kho và lựa chọn nhà cung cấp máy móc thiết bị để lắp đặt.
- + Dự án xin cấp phép thăm dò khu mỏ cát trắng tại Huyện Cam Lâm, Khánh Hòa: Hiện nay, đang tiến hành trình Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt việc giấy

08
TĐ
ITL
C
C
7-7

phép khai thác mỏ tại Cam Ranh.

- + Dự án mỏ đá Sông Trầu: Tổng công ty đã tiến hành hợp tác kinh doanh với công ty tại mỏ đá Sông Trầu theo Nghị quyết số 170/NQ-HĐQT ngày 27/11/2020 của HĐQT Tổng công ty đã giúp giảm toàn bộ chi phí hoạt động hàng năm và mang lại lợi nhuận từ mỏ đá.
- + Dự án mỏ Puzoland Bình Phước: Chi đạo công tác rà soát, đánh giá các dự án theo tình hình thực tế để có phương án tối ưu đối với dự án này.

2.4. Về công tác nhân sự

Hội đồng quản trị đã ban hành tổng cộng 26 Nghị quyết/Quyết định liên quan đến công tác cán bộ. Trong đó, có một số nhân sự chủ chốt như sau:

- Ngày 16/03/2020: Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty đối với Ông Nguyễn Quang Trung.
- Ngày 25/03/2020: Bổ nhiệm Ông Nguyễn Xuân Thắng giữ chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty.
- Ngày 11/06/2020: Bổ nhiệm Ông Cao Trường Thụ giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng công ty.
- Ngày 15/01/2021: Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc và Thành viên HĐQT Tổng công ty đối với Ông Hồ Đình Thuận.

2.5. Về công tác quan hệ với cổ đông và công bố thông tin:

- Tuân thủ các quy định liên quan đến lưu ký chứng khoán, quy định đối với công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán UPCOM.
- Đảm bảo các quyền lợi của các cổ đông theo đúng Điều lệ và quy định pháp luật hiện hành.
- Chi đạo công tác công bố thông tin đến UBCKNN, cổ đông và tổ chức, cá nhân đầu tư theo quy định.

3. Đánh giá thực hiện giai đoạn 5 năm 2016-2020:

Trong giai đoạn 5 năm 2016-2020, HĐQT đã chi đạo hoạt động của Tổng Công ty theo tinh thần nghị quyết đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/9/2016 về thực hiện công tác thoái vốn và kế hoạch đề án tái cơ cấu Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 – CTCP, cụ thể:

- Tập trung tinh gọn bộ máy quản lý từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên, trong đó tiến hành tái cấu trúc Tổng công ty theo mô hình quản trị tập trung và nâng cao vai trò tập trung cấp quản lý tại các đơn vị thành viên, đặc biệt là vai trò của người đại diện vốn. Tuy nhiên, việc tái cấu trúc hệ thống quản trị theo mô hình quản trị tập trung tại Tổng công ty chưa thực sự phát huy hiệu quả; một số Ban chức năng Công ty mẹ chưa thể hiện hết chức năng, vai trò của mình, cũng như chưa kết nối chặt chẽ về chuyên môn, nghiệp vụ đối với các Đơn vị thành viên; hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên chưa có chuyển biến rõ rệt.

03
18
16
05
/R

- Thoái vốn tại 4/14 doanh nghiệp và thực hiện kế hoạch bổ sung thêm 3 công ty mới vào danh sách các công ty cần thoái vốn trong giai đoạn 2021-2025.
- Đầu tư phát triển: Hầu hết các dự án của Tổng công ty chưa đạt tiến độ đề ra như dự án Nhà máy chế biến Silica, dự án FiCO Home – Phan Huy Ích, dự án tham gia đấu thầu nhà đầu tư Dự án BOT Tân Vạn – Nhơn Trạch ...Nguyên nhân như đã nêu trên.
- Hoạt động thương mại: Trong giai đoạn 2016 – 2020 chưa hiệu quả và phát sinh thua lỗ. Theo đó, Tổng công ty đã và đang tập trung tái cấu trúc lại, cơ cấu lại bộ máy quản lý, giám sát hoạt động SXKD, đóng cửa chi nhánh hoạt động không hiệu quả (chi nhánh Hà Nội).

II. Kế hoạch thực hiện năm 2021 phương hướng hoạt động giai đoạn 5 năm (2021-2025) :

1. Kế hoạch thực hiện năm 2021

- Các chỉ tiêu kinh tế tài chính:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2020	Kế hoạch 2021	%
1.	Doanh thu thuần				
-	Công ty mẹ riêng	tr.đồng	2.048.948	1.300.000	63
-	Công ty mẹ hợp nhất	tr.đồng	2.715.540	2.000.000	74
2.	Lợi nhuận trước thuế				
-	Công ty mẹ riêng	tr.đồng	26.178	31.000	118
-	Công ty mẹ hợp nhất	tr.đồng	103.266	128.000	124
3.	Cổ tức				
-	Tổng giá trị chia cổ tức	tr.đồng	-	38.100	
-	Tỷ lệ	%	-	3	

- Nhiệm vụ trọng tâm:

- + Tiếp tục thực hiện việc tái cấu trúc triệt để bộ máy hoạt động của Tổng Công ty đảm bảo mục tiêu đúng mô hình quản trị tập trung như: quản lý, tiết kiệm chi phí hoạt động; quản trị nguồn vốn minh bạch, hiệu quả.
- + Cấu trúc lại tài chính, hoạt động kinh doanh giữa Tổng Công ty và các đơn vị thành viên; xây dựng và giám sát kế hoạch dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư tại Tổng công ty và các Đơn vị thành viên.
- + Đối với hoạt động thương mại, tiếp tục tái cấu trúc theo hướng quản trị tập trung; hoàn thiện cơ chế khoán quản; đổi mới phương thức, tinh giảm biên chế và sáp nhập, giải thể đối với những bộ phận, phòng ban, đơn vị hoạt động không hiệu quả.

- + Nâng cao vai trò và hiệu quả hoạt động của Công ty TNHH MTV Kinh doanh sản phẩm FiCO trong việc điều tiết sản xuất đối với các đơn vị khối Vật liệu hoàn thiện. Đảm bảo nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và ổn định dòng tiền cho hoạt động của Công ty CP Gạch Đồng Nam Á.
- + Hoàn thành các thủ tục pháp lý đối với các dự án khai thác mỏ đá tại Phước Hòa và xin cấp phép thăm dò khu mỏ cát trắng tại Cam Lâm, Khánh Hòa. Đồng thời, mở rộng thị trường tiêu thụ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và chủ động ứng phó với biến động thị trường.
- + Phát huy hiệu quả công tác kiểm toán nội bộ, kiểm tra đánh giá hoạt động tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên.
- + Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư của Tổng công ty và các đơn vị thành viên. Trong đó, hợp tác đầu tư để hoàn thành dự án nhà máy chế biến Silica, khởi công dự án FiCO Home – Phan Huy Ích, chuẩn bị hồ sơ tham dự đấu thầu dự án BOT Tân Vạn – Nhơn Trạch

2. Phương hướng hoạt động giai đoạn 5 năm (2021-2025):

- Các chỉ tiêu kinh tế tài chính:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2021-2025					
		ĐVT	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025
1.	Doanh thu thuần						
-	Công ty mẹ riêng	tr.đồng	1.300.000	1.371.500	1.446.933	1.526.514	1.610.472
-	Công ty mẹ hợp nhất	tr.đồng	2.000.000	2.150.000	2.289.750	2.438.584	2.597.092
2.	Lợi nhuận trước thuế						
-	Công ty mẹ riêng	tr.đồng	31.000	51.000	83.000	88.000	120.000
-	Công ty mẹ hợp nhất	tr.đồng	128.000	135.000	128.000	128.000	128.000
3.	Cổ tức						
-	Tổng giá trị chia cổ tức	tr.đồng	38.100	38.100	63.500	76.200	101.600
-	Tỷ lệ	%	3	3	5	6	8

- Nhiệm vụ trọng tâm:

- + Tại văn phòng Tổng công ty: Tiếp tục tiến hành tái cấu trúc các Ban chức năng theo mô hình quản tập trung nhằm đáp ứng yêu cầu tinh gọn, hiệu quả.
- + Hoạt động thương mại: Thực hiện tái cấu trúc theo phương thức đánh giá lại, phát triển các hoạt động kinh doanh có hiệu quả, thu hẹp, giải thể các đơn vị, các bộ phận hoạt động không hiệu quả.

- + Công tác đầu tư:
- + Hoàn tất công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp khác, cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư vào các dự án.
 - Hoàn thành và đưa vào hoạt động dự án nhà máy chế biến Silica để nâng cao hiệu quả SXKD; Khởi công dự án FiCO Home Phan Huy Ích, ...
 - Tìm kiếm cơ hội những lĩnh vực mà Tổng công ty có thể mạnh để thực hiện các dự án đầu tư M&A như khoáng sản, vật liệu hoàn thiện, ... nhằm nâng cao vị thế của Tổng công ty trên thị trường.
- + Hoàn tất công tác thoái vốn tại các doanh nghiệp khác, cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư vào các dự án

Trên đây là Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020, kế hoạch thực hiện năm 2021 và phương hướng hoạt động giai đoạn 5 năm 2021-2025, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

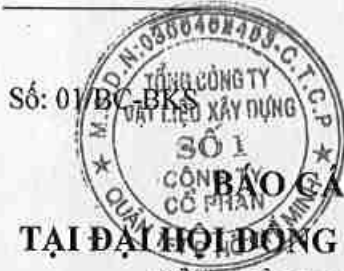
- Cổ đông;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Có Dũng





Số: 01/BC-BKS

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CỦA TỔNG CÔNG TY VLXD SỐ 1 - CTCP**

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY VLXD SỐ 1 – CTCP**

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 - CTCP;
- Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty FiCO;
- Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 29/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Tổng công ty VLXD số 1 – CTCP.

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty VLXD số 1 – CTCP các nội dung như sau:

I/ Hoạt động của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016 - 2021:

1. Thành phần Ban Kiểm soát 2016 - 2021

- | | |
|-----------------------|--|
| + Ông Nghiêm Chí Minh | - Trưởng Ban Kiểm soát – từ nhiệm 04/05/2017 |
| + Ông Phạm Minh Đức | - Thành viên Ban Kiểm soát – từ nhiệm 04/05/2017 |
| + Ông Phạm Việt Thắng | - Trưởng Ban Kiểm soát – bổ nhiệm 04/05/2017 |
| + Ông Hồ Bảo Hùng | - Thành viên Ban Kiểm soát – từ nhiệm 01/08/2020 |
| + Ông Đào Quang Sơn | - Thành viên Ban Kiểm soát |

Kể từ 01/08/2020 đến nay, Ban Kiểm soát hoạt động với 2 thành viên là Ông Phạm Việt Thắng và ông Đào Quang Sơn.

2. Một số hoạt động chủ yếu của Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2021:

Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao phó, tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Một số công việc chủ yếu Ban Kiểm soát thực hiện trong nhiệm kỳ 2016 - 2021:

- Theo dõi giám sát các hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành trong quá trình triển khai, thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đảm bảo tuân thủ Điều lệ Tổng công ty và các quy định của pháp luật.
- Đôn đốc, giám sát Ban Điều hành trong việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định và Chỉ đạo của HĐQT trong công tác quản trị và điều hành Tổng công ty.

- Thường xuyên tham gia các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và có ý kiến kịp thời liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổng công ty.
- Tham gia rà soát, đánh giá và phát hiện các rủi ro về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng công ty, đơn vị phụ thuộc, công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty và có những ý kiến tham vấn kịp thời tới HĐQT, Ban Điều hành nhằm hạn chế các rủi ro trong hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính.
- Tham gia soạn thảo các quy chế Tổng công ty đã được ban hành như:
 - + Quy chế quản trị của Tổng công ty VLXD số 1 – CTCP.
 - + Quy chế hoạt động của Phòng kiểm toán nội bộ Tổng công ty.
 - + Quy chế người đại diện vốn FiCO.
 - + Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.
 - + Quy chế tài chính FiCO.
- Tham gia công tác bàn giao vốn từ DNNN sang công ty cổ phần.
- Chỉ đạo, phối hợp với bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty trực tiếp tham gia kiểm toán nội bộ tại các đơn vị Tổng công ty tham gia góp vốn và đưa ra các ý kiến đánh giá về tình hình tuân thủ quy trình, quy chế, chế độ kế toán, ... tại các đơn vị này: Công ty Cổ phần Vitaly, Công ty Cổ phần gạch Men Thanh Thanh, Công ty Cổ phần Phước Hòa – FiCO, Công ty TNHH MTV Thương mại Vật liệu Xây dựng FiCO, Công ty CP Bê tông FiCO – Pan United, Công ty TNHH Xây dựng FiCO – Corea, ...
- Tham gia cùng với các Phòng/Ban Tổng công ty trong việc triển khai thực hiện phần mềm kế toán FAST tại Tổng công ty.
- Tham gia cùng với các Phòng/Ban nghiệp vụ Tổng công ty phục vụ công tác kiểm toán của Kiểm toán nhà nước về kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần của Công ty Mẹ - Tổng công ty VLXD số 1 – CTCP.
- Tham gia cùng với các Phòng/Ban nghiệp vụ Tổng công ty trong công tác thanh tra của Thanh tra Chính phủ về thanh tra việc thực hiện sắp xếp lại, cổ phần hóa, thoái vốn tại Tổng công ty VLXD số 1 giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2018.
- Các công việc khác có liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020:

- Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng công ty theo quy định của Điều lệ Tổng công ty FiCO và Luật doanh nghiệp.
- Giám sát việc ban hành và thực hiện các nghị quyết, quyết định và chỉ đạo của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị và điều hành Tổng công ty.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, các cuộc họp giao ban, điều hành sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty.

- Tham gia cùng Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Tổng công ty FiCO rà soát hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị phụ thuộc, Công ty con, công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty.

- Tham gia cùng với các Phòng/Ban nghiệp vụ Tổng công ty phục vụ công tác thanh tra của Thanh tra Chính phủ về thanh tra việc thực hiện sắp xếp lại, cổ phần hóa, thoái vốn tại Tổng công ty VLXD số 1 giai đoạn từ năm 2010 đến năm 2018.

- Phối hợp với Phòng Kiểm toán nội bộ Tổng công ty thực hiện công tác kiểm toán nội bộ tại các công ty thành viên như:

+ Tại Công ty CP Phước Hòa FiCO: Đã kiến nghị một số vấn đề có liên quan về: việc hoàn chỉnh các thủ tục bàn giao khu vực khai thác cho các đối tác, pháp lý về thuê đất; Hoàn chỉnh các quy trình, quy định về việc khai thác, quản lý đất tầng phủ, quản lý đá xô bỏ trong trường hợp Công ty tự khai thác; Góp ý về công tác quản lý, giám sát các phương tiện vận tải hoạt động tại khai trường, ... (Theo Thông báo số 550/TCT-KTNB, ngày 04/09/2020 về kết quả kiểm toán hoạt động tại Công ty CP Phước Hòa FiCO).

+ Công ty CP TNHH MTV TM VLXD FiCO: Đã kiến nghị Công ty hoàn chỉnh một số vấn đề về quản lý như: Lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí hoạt động chung của toàn Công ty cho từng Phòng kinh doanh; Việc rà soát và có biện pháp khuyến khích công tác thu hồi công nợ, đặc biệt là các khoản nợ quá hạn lâu năm; Xây dựng cơ chế khoán gắn liền với chính sách chi trả tiền lương, gắn với hiệu quả đóng góp thực tế và kết quả thu hồi công nợ; Về khoản chi hoa hồng môi giới và chi phí quảng cáo ... (Theo thông báo số 780/TCT-KTNB, ngày 28/12/2020 về kết quả kiểm toán hoạt động tại Công ty TNHH MTV TM VLXD FiCO).

- Ban Kiểm soát đã phối hợp với Phòng Kiểm toán nội bộ và Ban Tài chính Kế toán Tổng công ty đánh giá tình hình góp vốn và báo cáo các khoản nợ có liên quan đến Dự án quốc lộ 20.

Trong quá trình hoạt động, Ban Kiểm soát nhận được sự phối hợp và hỗ trợ của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc cũng như các Phòng/Ban nghiệp vụ/Đơn vị trực thuộc để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ ĐHCĐ giao.

II/ Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và hoạt động khác của Tổng công ty năm 2020:

1. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty năm 2020:

- Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-ĐHCĐ, ngày 29/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Tổng công ty VLXD số 1 – CTCP;

- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2020 của Tổng công ty FiCO đã được kiểm toán;

Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	% so với KH
I	Doanh thu				
1	Công ty mẹ	Tỷ đ	1,737	2,049	118%
2	Công ty mẹ hợp nhất	Tỷ đ	5,822	2,716	47%
II	Lợi nhuận trước thuế				
1	Công ty mẹ	Tỷ đ	15	26	173%
2	Công ty mẹ hợp nhất	Tỷ đ	120	103	86%

* Về hoạt động của Công ty mẹ:

Doanh thu của Công ty mẹ trong năm 2020 tăng 18% so với kế hoạch, lợi nhuận trước thuế của công ty mẹ vượt 73% so với kế hoạch cho thấy sự nỗ lực rất lớn của Công ty mẹ trong bối cảnh nền kinh tế bị sụt giảm do ảnh hưởng của dịch bệnh.

* Về kết quả hoạt động SXKD hợp nhất của toàn Tổng công ty:

- Doanh thu hợp nhất của Tổng công ty chỉ bằng 47% so với kế hoạch năm 2020 xuất phát từ các nguyên nhân chủ yếu:

+ Doanh thu các công ty con của Tổng công ty không đạt kế hoạch năm 2020.

+ Khi xây dựng kế hoạch doanh thu Công ty mẹ hợp nhất, Tổng Công ty chưa loại trừ doanh thu nội bộ giữa Công ty mẹ với các công ty con và giữa các công ty con với nhau, trong khi số thực hiện theo Báo cáo tài chính hợp nhất thì đã loại trừ doanh thu nội bộ (doanh thu nội bộ năm 2020 là 2.124 tỷ đồng).

- Lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Tổng công ty chỉ đạt 86% so với kế hoạch. Nguyên nhân chủ yếu do lợi nhuận của một số Công ty con không đạt kế hoạch lợi nhuận đã đề ra, cụ thể: Công ty TNHH MTV Cát Cam Ranh FiCO giảm 23% so với kế hoạch, Công ty CP Gạch Đông Nam Á và Công ty TNHH MTV TM VLXD FiCO xây dựng kế hoạch lãi, nhưng thực tế năm 2020 lỗ lần lượt là 17,5 và 8,8 tỷ đồng.

2. Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán:

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Inpact. Đơn vị kiểm toán đã phát hành báo cáo kiểm toán riêng và báo cáo hợp nhất kèm theo thư kiểm toán số 75/2021/BCKT-CPA VIETNAM-HCM ngày 08/3/2021 và số 76/2021/BCKTHN-CPA VIETNAM-HCM ngày 08/3/2021.

3. Về công tác quản trị và điều hành hoạt động SXKD của Tổng công ty:

Hội đồng quản trị và Ban Điều hành đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra năm 2020.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức 11 cuộc họp trực tiếp và 48 đợt lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành tổng cộng 169 văn bản, trong đó có 85 nghị quyết/quyết định và 84 văn bản khác để quản lý các hoạt động của Tổng công ty.

Ban Kiểm soát đã tham gia họp và nhất trí với các nội dung trong báo cáo quản trị, điều hành và hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Tổng công ty.

4. Các hoạt động khác của Tổng công ty năm 2020:

4.1 Về việc chuyển giao quyền đại diện vốn nhà nước tại Tổng công ty FICO về SCIC:

- Ngày 31/08/2020, Bộ Xây dựng và Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) đã ký Biên bản chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu nhà nước tại Tổng công ty Vật liệu Xây dựng số 1 – CTCP từ Bộ Xây dựng sang SCIC.

Từ đó đến nay, SCIC đã tiếp quản và thực hiện quyền giám sát quản lý vốn Nhà nước trong việc quản lý hoạt động SXKD tại Tổng công ty.

4.2 Về thực hiện thoái vốn nhà nước tại Tổng công ty:

- SCIC sẽ triển khai bán vốn nhà nước tại FICO theo Quyết định 908/QĐ-TTg ngày 29/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn đến hết năm 2020 sau khi Bộ Xây dựng quyết toán, phê duyệt giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của FICO theo quy định tại khoản 10 Điều 10 Thông tư 83/2018/TT-BTC và các văn bản pháp luật hiện hành.

III. Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021:

Năm 2021, Ban kiểm soát dự kiến sẽ thực hiện một số công tác sau:

- Thực hiện các công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng công ty.

- Theo dõi, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và thông tin kịp thời cho cổ đông, đặc biệt là các cổ đông lớn của Tổng công ty.

- Giám sát việc ban hành và thực hiện các nghị quyết, quyết định và chỉ đạo của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản trị và điều hành Tổng công ty.

- Giám sát tình hình thực hiện các khuyến nghị của Ban Kiểm soát, kiểm toán nội bộ trong công tác quản trị và điều hành của Tổng công ty.

- Xây dựng kế hoạch kiểm toán nội bộ trong năm 2021 và triển khai thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo kế hoạch.

- Tham gia cùng Ban Điều hành Tổng công ty làm việc với các đơn vị về báo cáo tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh 2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

- Thực hiện các báo cáo đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.



IV. Đề xuất và kiến nghị:

- HĐQT sớm ban hành các quy định nhằm kiểm soát rủi ro trong hoạt động thương mại như: thực hiện các giải pháp tăng cường công tác thu hồi công nợ phải thu, đặc biệt là nợ phải thu quá hạn, tồn đọng lâu năm; Có giải pháp và kế hoạch cụ thể để cải thiện tình hình thiếu cân đối về tài chính của công ty mẹ; Có giải pháp để khắc phục tình trạng hoạt động kinh doanh thua lỗ của các đơn vị như: Công ty TNHH MTV Thương mại VLXD FICO và Công ty CP Gạch Đông Nam Á.

- Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành tăng cường giám sát kết quả hoạt động của Người đại diện vốn tại các đơn vị thành viên, đặc biệt là những đơn vị đã được Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán và có những đề xuất, kiến nghị.

- HĐQT cần đẩy nhanh tiến độ đầu tư Dự án FICO Star nhằm thu hồi vốn về cho Tổng công ty.

Thông qua Báo cáo này, Ban Kiểm soát trân trọng cảm ơn Quý cổ đông đã tin nhiệm, đồng thời trân trọng cảm ơn Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành FICO đã hỗ trợ, tạo điều kiện cho các thành viên Ban Kiểm soát thực hiện tốt các nhiệm vụ do cổ đông giao phó. Bên cạnh đó, Ban kiểm soát xin trân trọng thông báo kết thúc nhiệm kỳ hoạt động 2016 – 2021.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát Tổng công ty, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT(phối hợp);
- Ban Tổng giám đốc (phối hợp);
- Lưu BKS TCT.

TM. BAN KIỂM SOÁT
Trưởng Ban



Phạm Việt Thắng



TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Thông qua nội dung sửa đổi Điều lệ

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/8/2016, được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 75/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 03 năm 2017,

Hội đồng quản trị Tổng công ty VLXD số 1- CTCP trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc sửa đổi Điều lệ Tổng công ty Vật liệu xây dựng Số 1 – CTCP như sau:

1. Nội dung sửa đổi:

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
1.	Phân mở đầu	- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13 kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014; - Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật số	- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020; - Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 26	Điều chỉnh dẫn chiếu	Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH 14 (gọi tắt là Luật Doanh nghiệp năm 2020) Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.	tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.		
2.	Điều 1, khoản 1 Điểm i, j	<p>a. “Tổng công ty” là Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 - CTCP được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan; có tư cách pháp nhân</p> <p>i. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>j. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;</p>	<p>a. “Tổng công ty” là Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 - CTCP được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan; có tư cách pháp nhân</p> <p>i. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;</p> <p>j. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.</p>	Điều chỉnh dẫn chiếu	Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14
3.	Điều 5, Khoản 2	2. FiCO có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật và được Hội đồng quản trị phê chuẩn	Đề xuất bỏ		Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020. Điều 5, Điều lệ Mẫu
4.	Điều 9, khoản 1	1. FiCO phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông	1. FiCO phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là	Điều chỉnh dẫn chiếu	Điều 122 Luật Doanh nghiệp năm 2020

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung theo quy định tại Điều 121 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật về chứng khoán có liên quan.	văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung theo quy định tại Điều 122 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật về chứng khoán có liên quan.		
5.	Điều 10, khoản 8	8. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.	8. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.	Điều chỉnh dẫn chiếu	Điều 122 Luật Doanh nghiệp năm 2020.
6.	Điều 14 khoản 3	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau: a. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 3 Điều 28 và Khoản 4 Điều 37 của Điều lệ này; b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau: - Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế; Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ,	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền: Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 3 Điều 28 và Khoản 4 Điều 37 của Điều lệ này; 4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền: a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty. b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:	Điều chỉnh dẫn chiếu	Điều 115 Luật Doanh nghiệp năm 2020. Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		<p>tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của FiCO khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong</p>	<p>- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;</p> <p>- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;</p> <p>Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của FiCO khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông,</p>		

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		tổng số cổ phần của FiCO; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.	tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của FiCO; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp; đ. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.		
7.	Điều 15	1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất năm phần trăm (5%) số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn sáu (06) tháng có quyền yêu cầu Ban kiểm soát khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong các trường hợp sau đây: a. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc không thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời quyết định của Hội đồng quản trị; thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; b. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của FiCO để tư	1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây: a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật này; b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao; c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác	Điều chỉnh dẫn chiếu	Điều 166 Luật Doanh nghiệp 2020

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		<p>lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>c. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đã lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của FiCO để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ FiCO.</p> <p>2. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện của cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này, Ban kiểm soát phải trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu.</p> <p>3. Trường hợp Ban kiểm soát không khởi kiện theo yêu cầu quy định tại khoản 2 điều này hoặc trong công ty cổ phần không có Ban kiểm soát thì cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này có quyền trực tiếp khởi kiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.</p> <p>4. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.</p>	<p>của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.</p> <p>3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.</p>		
8.	Điều 17, khoản 3, khoản 4, bổ sung khoản 5	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của FiCO;</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo</p>	<p>3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;</p>	Thay đổi dẫn chiếu	Điều 140 Luật Doanh nghiệp năm 2020

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		<p>cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất từ năm mươi phần trăm (50%) trở lên so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 14 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản kiến nghị. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản trong đó mỗi bản phải có đủ chữ ký của tối thiểu một cổ đông có liên quan;</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy</p>	<p>b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ</p>		

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		<p>định tại Điểm c, Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e, Khoản 3, Điều này.</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a, Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b, Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>d. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được FICO hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.</p> <p>5. Trình tự thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>		

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
9.	Điều 18, khoản 2, điểm n	n. Việc chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc FiCO	Bỏ điểm n		Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.
10.	Điều 21, khoản 1	1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 17 Điều lệ này.	1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 3, 4 Điều 17 Điều lệ này.	Thay đổi dẫn chiếu	Điều 17 Điều lệ và Điều 140 Luật DN năm 2020
	Điều 21, khoản 3	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của FiCO. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của FiCO. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của FiCO. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất hai mươi một ngày (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của FiCO. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.		Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020. Điều 18, Khoản 3, Điều lệ mẫu

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
	Điều 21, khoản 5, Điểm b	b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất mười phần trăm (10%) cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3, Điều 14 của Điều lệ này;	b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.		Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.
11.	Điều 22, khoản 1	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) cổ phần có quyền biểu quyết.	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) cổ phần có quyền biểu quyết.	Thay đổi dẫn chiếu	Điều 145 Luật DN năm 2020
12.	Điều 23, khoản 4	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm Chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.	4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp; Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.	Thay đổi dẫn chiếu	Điều 146 Luật DN năm 2020

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
13.	Điều 24, khoản 2	1. Các vấn đề khác thuộc quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này.	1. Các vấn đề khác thuộc quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này.	Thay đổi dẫn chiếu	Điều 148 Luật DN năm 2020
14.	Điều 25, khoản 8	8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo tỷ lệ cụ thể được quy định tại khoản 1, 2 Điều 24 Điều lệ này.	Thay đổi dẫn chiếu	Luật DN năm 2020
15.	Điều 26	Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của FiCO theo đúng quy định của pháp luật. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký đại hội, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ	Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của FiCO theo đúng quy định của pháp luật. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký đại hội, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham	Thay đổi dẫn chiếu	Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020. Khoản 1, Điều 23 Điều lệ mẫu

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		đồng dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của FiCO.	dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của FiCO.		
16.	Điều 28, Khoản 1,	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.	Thay đổi dẫn chiếu	Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14
	Điều 28, Khoản 2, (điểm a)	2.a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 18 Luật Doanh nghiệp;	2.a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp;	Thay đổi dẫn chiếu	Điều 17 Luật DN năm 2020
	Điều 28, khoản 3 (điểm a)	3. a. Các cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, trừ việc đề cử bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đầu tiên.	3. a. Các cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, trừ việc đề cử bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đầu tiên.		Điều 148 Luật DN năm 2020

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
	Điều 28, Khoản 5	5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.	5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.		Điều 148 Luật DN năm 2020

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
	Điều 28, khoản 6	<p>6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của FiCO;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>6. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;</p> <p>b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;</p> <p>c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>d) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.</p>		
	Khoản 7 Điều 28	<p>7. Hội đồng quản trị có thể bỏ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó</p>	Bỏ Khoản 7 Điều 28	Không phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2020	Điều 160 Luật Doanh Nghiệp

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông không chấp thuận thì thành viên mới này sẽ mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, nhưng những biểu quyết của thành viên này trong thời gian từ lúc Hội đồng quản trị bổ nhiệm đến ngày Đại hội đồng cổ đông ra quyết định không chấp thuận vẫn được công nhận là có giá trị và những Nghị quyết của Hội đồng quản trị đã được thông qua sẽ không bị vô hiệu.			
17.	Điều 29, khoản 3.1, điểm m	m. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc FiCO;	Bãi bỏ và thay thế bằng nội dung: m. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Quy chế quản trị của FiCO	Thay đổi dẫn chiếu	Điều 138 Luật Doanh nghiệp năm 2020
	Điều 29, khoản 4, Điểm c	c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của FiCO (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập công ty và liên doanh);	c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của FiCO (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập công ty và liên doanh);	Điều chỉnh dẫn chiếu	Điều 153, Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
18.	Điều 30, khoản 1	1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu một Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm chức Tổng giám đốc của FiCO. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành phải được thông qua hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.	1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu một Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm chức Tổng giám đốc.	Điều chỉnh dẫn chiếu	Điều 156 Luật DN năm 2020 (khoản 2) Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020. (Điều 29, Điều lệ Mẫu Áp dụng Công ty Đại chúng)
	Điều 30, khoản 3	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các		Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020. (Điều 29, Điều lệ Mẫu Áp dụng Công ty Đại chúng)

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
			thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.		
19.	Điều 36 khoản 1, phần đầu	I. FiCO có Ban kiểm soát; Ban kiểm soát FiCO có quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, bao gồm những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	I. FiCO có Ban kiểm soát; Ban kiểm soát FiCO có quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, bao gồm những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:	Thay đổi dẫn chiếu	Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020
20.	Điều 37, khoản 1,2	<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của FiCO là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là cán bộ quản lý trong bộ phận kế toán, tài chính của FiCO và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của FiCO. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại FiCO.</p> <p>Các Thành viên Ban Kiểm soát không phải là người có liên quan với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của FiCO.</p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Ban Kiểm soát:</p> <p>a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh</p>	<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:</p> <p>a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.</p>	Điều chỉnh dẫn chiếu	<p>Điều 168 Luật Doanh nghiệp Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020.</p> <p>(Điều 37, Điều lệ Mẫu Áp dụng Công ty Đại chúng)</p>

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		<p>nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;</p> <p>c. Không được giữ các chức vụ quản lý của FiCO. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của FiCO</p>			
	Điều 37, khoản 4	4. Các cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	4. Các cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.	Điều chỉnh dẫn chiếu	Điều 115 Luật Doanh nghiệp
	Điều 37, khoản 6	6. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát	6. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn	Điều chỉnh dẫn chiếu	Điều 148 Luật DN năm 2020

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
21.		và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.	hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.		
	Khoản 7 Điều 37	7. Các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Bỏ khoản 7 Điều 37	Nội dung trùng khoản 1 Điều 37	
	Điều 37, khoản 9, điểm b	9.b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho FiCO;	9.b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho FiCO và được chấp thuận;	Điều chỉnh dẫn chiếu	Điều 174 Luật Doanh nghiệp
	Điều 40, khoản 4, Điểm c	4.c. Doanh nghiệp quy định tại điểm khoản 2 Điều 159 của Luật doanh nghiệp.	4.c. Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.	Điều chỉnh dẫn chiếu	Điều 164 Luật Doanh nghiệp
	Điều 40, khoản 6	6. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.	6. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.	Điều chỉnh dẫn chiếu	Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
	Điều 40, khoản 8, điểm b	8. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này với tỷ lệ đồng ý ít nhất là năm mươi một phần trăm (51%) trên tổng số phiếu biểu quyết còn lại;	8. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này với tỷ lệ đồng ý hơn năm mươi phần trăm (50%) trên tổng số phiếu biểu quyết còn lại;	Điều chỉnh dẫn chiếu	Điều 148 Luật Doanh nghiệp năm 2020
22.	Điều 55, khoản 1, 2.	1. FiCO có con dấu riêng. Con dấu của FiCO phải được lưu giữ và bảo quản tại trụ sở chính của FiCO. Hội đồng quản trị quyết định con dấu chính thức của FiCO và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật. 2. Trước khi sử dụng, doanh nghiệp có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp	1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử. 2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).	Điều chỉnh dẫn chiếu	Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020. (Điều 37, Điều lệ Mẫu Áp dụng Công ty Đại chúng)
23.	Điều 56	FiCO thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi theo quy định tại Điều 192, 193, 194, 195 và 196 của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.	FiCO thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.	Điều chỉnh dẫn chiếu	Luật Doanh nghiệp năm 2020.

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
24.	Điều 42	<p>42. Phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ</p> <p>1. Kết thúc năm tài chính và khi sản xuất kinh doanh có lãi, trước khi chi trả cổ tức cho cổ đông, FiCO trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ FiCO như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quỹ dự phòng tài chính: trích lập tối đa 5% lợi nhuận sau thuế. - Quỹ đầu tư phát triển: trích lập tối đa 5% lợi nhuận sau thuế. - Quỹ khen thưởng ban quản lý điều hành: Theo quyết định của Đại Hội Đồng cổ đông. - Quỹ khen thưởng phúc lợi: trích lập tối đa 10% lợi nhuận sau thuế. - Quỹ phát triển khoa học và công nghệ: trích lập tối đa 10% lợi nhuận sau thuế. <p>Tỷ lệ phần trăm trích lập các loại quỹ trên có thể thay đổi theo đề nghị của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>2. Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Phương án phân phối lợi nhuận trong năm tài chính và việc trích lập các quỹ năm tài chính tiếp theo. b. Phương án, mục đích sử dụng các loại quỹ được trích theo quy định của pháp luật và Điều lệ FiCO. 	Bỏ Điều 42	Việc phân phối LN do ĐHCĐ quyết định theo tình hình Công ty.	

STT	Điều khoản	Điều lệ Công ty hiện hành	Dự thảo Điều lệ sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
25.	Chương XVII	Điều 53, Điều 54 Quy định về Người Đại diện phần vốn theo ủy quyền của FICO tại Doanh nghiệp khác	Bỏ Chương XVII Điều 53, Điều 54	Đã được Quy định tại Quy chế riêng.	

2. Ngoài những nội dung đề nghị sửa đổi nêu trên, Các nội dung các khác của Điều lệ Tổng công ty VLXD số 1-CTCP được giữ nguyên và có hiệu lực. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty thực hiện việc ban hành Điều lệ Tổng công ty theo đúng các quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Có Dưng



TÔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

fico

**(Dự thảo) ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
Chương I	5
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	5
Điều 1. Giải thích từ ngữ và thuật ngữ trong Điều lệ	5
Điều 2. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong FiCO, công nhân viên.....	6
Chương II	7
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA FiCO.....	7
Điều 3. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của FiCO	7
Chương III.....	8
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA FiCO	8
Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh của FiCO	8
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	9
Chương IV.....	9
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ đông, cổ phần	9
Điều 7. Cổ phiếu.....	9
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông.....	11
Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần.....	11
Điều 11. Thu hồi cổ phần	11
Điều 12. Quyền sử dụng logo, thương hiệu của FiCO.....	12
Chương V.....	13
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	13
Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý.....	13
Chương VI.....	13
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	13
Điều 14. Quyền của cổ đông.....	13
Điều 15. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc	15
Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông.....	16
Điều 17. Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	18
Điều 19. Các đại diện được ủy quyền	19
Điều 20. Thay đổi các quyền	20
Điều 21. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và chương trình họp.....	20
Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	22
Điều 23. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 24. Thông qua Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 26. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	26

Điều 27. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	27
Chương VII.....	27
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	27
Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	27
Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	34
Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	34
Chương VIII.....	38
TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	38
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý.....	38
Điều 33. Cán bộ quản lý.....	38
Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	38
Điều 35. Thư ký FiCO.....	41
Chương IX.....	41
BAN KIỂM SOÁT.....	41
Điều 36. Ban kiểm soát.....	41
Điều 37. Thành viên Ban kiểm soát.....	43
Chương X.....	45
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA FiCO.....	45
Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	45
Chương XI.....	45
NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC.....	45
Điều 39. Trách nhiệm quan trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.....	45
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	46
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	48
Chương XII.....	49
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	49
Điều 42. Cổ tức.....	49
Chương XIII.....	50
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	50
Điều 43. Tài khoản ngân hàng.....	50
Điều 44. Năm tài chính.....	50
Điều 45. Chế độ kế toán.....	50
Chương XIV.....	50
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	50
Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	50
Điều 47. Báo cáo thường niên.....	51
Chương XV.....	51
KIỂM TOÁN FiCO.....	51
Điều 48. Kiểm toán.....	51
Chương XVI.....	52

ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC VÀ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA FICO	52
Điều 49. Đơn vị phụ thuộc và công ty con của FiCO	52
Điều 50. Mối quan hệ giữa FiCO với các đơn vị phụ thuộc	52
Điều 51. Mối quan hệ giữa FiCO với các Công ty con, Công ty liên kết của FiCO	52
Chương XVII	54
CON DẤU	54
Điều 52. Con dấu	54
Chương XVIII	54
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	54
Điều 53. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi FiCO	54
Điều 54. Chấm dứt hoạt động	54
Điều 55. Thanh lý	55
Chương XIX	55
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	55
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	55
Chương XX	56
BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	56
Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	56
Chương XXI	56
NGÀY HIỆU LỰC	56
Điều 58. Ngày hiệu lực	56

PHẦN MỞ ĐẦU

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 59/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số/NQ - ĐHĐCĐ ngày tháng năm 2021, được điều chỉnh, sửa đổi bổ sung một số điều theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số/NQ-ĐHĐCĐ ngày tháng 4 năm 2021.

**Chương I
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Giải thích từ ngữ và thuật ngữ trong Điều lệ**

1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a. “Tổng công ty” là Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 - CTCP được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 và các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan; có tư cách pháp nhân
 - b. “FICO” là tên viết tắt của Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1- CTCP;
 - c. “Cán bộ quản lý cấp cao” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong FICO được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - d. “Cán bộ quản lý cấp trung” là các vị trí quản lý trong FICO được Tổng giám đốc bổ nhiệm;
 - e. “Công ty con” là bất kỳ công ty nào mà trong đó FICO (i) sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần đã phát hành, hoặc (ii) có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, hoặc (iii) có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó;
 - f. “Công ty liên doanh, liên kết” là bất kỳ công ty nào mà trong đó FICO (i) sở hữu trực tiếp hay gián tiếp thông qua các công ty con dưới năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần đã phát hành, hoặc (ii) có quyền đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty đó nhưng không kiểm soát các chính sách đó, hoặc (iii) chịu sự ràng buộc về quyền lợi,

nghĩa vụ với FiCO theo tỷ lệ góp vốn hoặc theo thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đã ký kết với FiCO;

g. “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của tổ chức phát hành;

h. “Đơn vị phụ thuộc” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp nằm trong cơ cấu của Tổng công ty;

i. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

j. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

k. “Ngày thành lập” là ngày Tổng công ty FiCO - Công ty cổ phần được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

l. “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán;

m. “Người đại diện phần vốn theo ủy quyền tại các doanh nghiệp khác” của FiCO là người được Hội đồng quản trị ủy quyền đại diện một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của FiCO tại các doanh nghiệp khác, thay mặt FiCO thực hiện toàn bộ hoặc một số quyền và nghĩa vụ của cổ đông, thành viên góp vốn tại doanh nghiệp khác theo quy chế quản lý Người đại diện phần vốn của FiCO;

n. “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 3 của Điều lệ này;

o. “Việt Nam” là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

p. “Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và được quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.

Các từ ngữ khác trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong Bộ Luật dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật khác thì có nghĩa như trong các văn bản pháp luật đó. Danh từ “pháp luật” được hiểu là pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong FiCO, công nhân viên

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong FiCO hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong FiCO hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của từng tổ chức đó phù hợp với qui định pháp luật.

3. FICO tạo điều kiện thuận lợi để người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Chương II TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA FICO

Điều 3. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của FICO

1. Tên doanh nghiệp
 - Tên tiếng Việt: Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 - CTCP
 - Tên tiếng Anh: FICO Corporation - JSC
 - Tên viết tắt: FICO
2. Logo của FICO:

FICO

Màu sắc nhãn hiệu: Xanh nước biển đậm, chấm đỏ.
Loại nhãn hiệu: Thông thường.

Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể theo Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 68978 do Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học công nghệ cấp theo Quyết định số A13537/QĐ-ĐK ngày 26/12/2005, quyết định gia hạn số 38859/QĐ-SHTT ngày 19/07/2013 và Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 142826 do Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học công nghệ cấp theo Quyết định số 3442/QĐ-SHTT ngày 01/3/2010, quyết định gia hạn số 52546/QĐ - SHTT ngày 05/9/2014.

3. FICO là loại hình công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Trụ sở đăng ký của FICO là:

- Địa chỉ: Tầng 15, tòa nhà Sailling Tower, số 111A, Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84.8) 3. 8.212.960 - 3.8.270.041
- Fax : (84.8) 3. 8.213.233
- Website: www.fico.com.vn
- Email: info@fico.com.vn

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của FICO

5.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật thứ nhất của FICO, thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 30, Điều 31 Điều lệ này.

5.2. Tổng giám đốc - Người đại diện theo pháp luật thứ hai của FiCO, thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 33, Điều 34 Điều lệ này.

6. FiCO có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh trên phạm vi trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu hoạt động của FiCO phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

7. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 57 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của FiCO bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Chương III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA FiCO

Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh của FiCO

1. Mục tiêu hoạt động của FiCO:

- Sản xuất, kinh doanh có hiệu quả cao;
- Đổi mới cơ cấu tổ chức, cơ chế quản lý của FiCO;
- Phát triển và không ngừng cải tiến, khoa học kỹ thuật để tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, nộp ngân sách nhà nước theo luật định;
- Xây dựng và phát triển FiCO ngày càng lớn mạnh.

2. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên liệu và sản phẩm phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Xử lý nền móng và hạ tầng, nền đất yếu;
- Xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- Xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện, khu dân cư, khu công nghiệp, khu chế xuất;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng, vật tư, nguyên liệu và sản phẩm phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản;
- Kinh doanh bến cảng, kho bãi;
- Cho thuê mặt bằng, văn phòng làm việc, nhà xưởng.
- Sản xuất phụ tùng, thiết bị xe cơ giới chuyên dụng phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu phụ tùng, thiết bị, xe cơ giới chuyên dụng phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu xe cơ giới chuyên dụng phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;

- Khai khoáng;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng. Tư vấn đầu tư sản xuất nguyên liệu, vật liệu xây dựng. Đo đạc bản đồ;
- Tư vấn đầu tư (Trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ sản xuất nguyên liệu vật liệu xây dựng;
- Sản xuất xe cơ giới chuyên dụng phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Bán buôn than đá, than non, than bùn, than củi, than cốc, diesel nhiên liệu, dầu nhiên liệu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Tùy từng thời điểm, căn cứ vào tình hình thực tiễn, Hội đồng quản trị FiCO trình Đại hội đồng cổ đông quyết định đăng ký kinh doanh các ngành nghề kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

FiCO được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

Chương IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ đông, cổ phần

1. Vốn điều lệ của FiCO là: **1.270.000.000.000 VNĐ** (Một nghìn hai trăm bảy mươi tỷ đồng)

Tổng số vốn điều lệ được chia thành: **127.000.000** cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. FiCO có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. FiCO không có cổ đông sáng lập.

4. Vào ngày thông qua Điều lệ này, các cổ phần của FiCO là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 14, Điều 15 và Điều 16 của Điều lệ này.

5. FiCO có thể phát hành các loại cổ phần khác (trừ cổ phần ưu đãi biểu quyết) sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong FiCO. FiCO phải thông báo bằng văn bản việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu là hai mươi (20) ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của FiCO quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. FiCO có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Cổ phiếu

1. Cổ đông của FiCO được cấp xác nhận sở hữu cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Xác nhận sở hữu cổ phiếu phải có dấu của FiCO và chữ ký của đại diện theo pháp luật của FiCO hoặc của người được ủy quyền hợp pháp theo các quy định của Luật Doanh nghiệp. Xác nhận sở hữu cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của FiCO hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của FiCO, người sở hữu số cổ phần được cấp xác nhận sở hữu cổ phiếu.

4. Trường hợp xác nhận sở hữu cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp xác nhận sở hữu cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho FiCO.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của FiCO (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

Điều 9. Sổ đăng ký cổ đông

1. FiCO phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung theo quy định tại Điều 122 Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật về chứng khoán có liên quan.

2. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của FiCO hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán theo Luật Chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của FiCO hoặc tuân theo quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán.

3. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với FiCO để cập nhập vào sổ đăng ký cổ đông. FiCO không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ cổ đông.

Điều 10. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác.

Việc chuyển nhượng cổ phần thuộc sở hữu Nhà nước do Chủ sở hữu nhà nước quy định theo pháp luật hiện hành.

Việc chuyển nhượng cổ phần được mua ưu đãi thuộc sở hữu người lao động Công ty theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Cổ phiếu của cổ đông chiến lược sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng năm (05) năm kể từ ngày FiCO được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp đặc biệt cần chuyển nhượng số cổ phần này trước thời hạn thì phải được ĐHCĐ chấp thuận.

3. Những cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ sẽ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ

phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của FiCO.

5. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của FiCO

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì giấy xác nhận sở hữu cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và FiCO phát hành giấy xác nhận sở hữu cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần còn lại.

8. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 122 của Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 11. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho FiCO.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá mười phần trăm (10%) một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 12. Quyền sử dụng logo, thương hiệu của FiCO

1. FiCO, các đơn vị thành viên của FiCO sử dụng logo, thương hiệu riêng của mình đã được đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ tại cơ quan có thẩm quyền.
2. Thương hiệu của FiCO có thể được định giá bằng tiền để chuyển thành vốn góp vào vốn điều lệ của các đơn vị thành viên, các đơn vị thành lập mới hoặc hình thức liên doanh liên kết khác trên cơ sở thỏa thuận hoặc ký kết hợp đồng sử dụng thương hiệu theo quy định của pháp luật.
3. Việc sử dụng logo, thương hiệu trong FiCO sẽ được điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

Chương V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 13. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của FiCO bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Tổng giám đốc.

Chương VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 14. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là chủ sở hữu của FiCO, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ FICO, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp FICO giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào FICO sau khi FICO đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật;

h. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền: Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Khoản 3 Điều 28 và Khoản 4 Điều 37 của Điều lệ này;

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền:

a. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của công ty.

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;

Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của FICO khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện

bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của FICO; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 15. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

a. Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật này;

b. Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

c. Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

Điều 16. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Cổ đông có nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu
2. Tuân thủ Điều lệ của FiCO và các quy chế của FiCO; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
3. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;
4. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của FiCO trong phạm vi số vốn đã góp vào FiCO;
5. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi FiCO dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được FiCO hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì thành viên Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của FiCO phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của FiCO trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
6. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
7. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh FiCO dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với FiCO.

Điều 17. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của FiCO. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính hoặc có thể được gia hạn nhưng không quá 06 (tháng), kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định

những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ của FICO, thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính năm.

3. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật này.

5. Trình tự thủ tục để tổ chức họp Đại hội cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 18. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn (từ 06 tháng đến 01 năm) và dài hạn (từ 05 năm đến 10 năm) của FiCO.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
 - c. Số lượng thành viên, cơ cấu của Hội đồng quản trị;
 - d. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - g. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho FiCO và cổ đông FiCO;
 - h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ FiCO;
 - i. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - j. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi FiCO;
 - k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) FiCO và chỉ định người thanh lý;
 - l. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản FiCO hoặc các chi nhánh của FiCO có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của FiCO được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - m. FiCO mua lại hơn mười phần trăm (10%) một loại cổ phần phát hành;
 - n. FiCO hoặc các chi nhánh của FiCO ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 4 Điều 40 của Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của FiCO được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này, các quy chế khác của FICO và quy định của pháp luật;

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

a. Thông qua các hợp đồng quy định tại điểm n Khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;

b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 19. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của FICO và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này của Điều lệ, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

- b. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định uỷ quyền;
- c. Người uỷ quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc uỷ quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp FiCO nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 20. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được uỷ quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 21 và Điều 23 của Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của FiCO không bị thay đổi khi FiCO phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 21. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông và chương trình họp

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Khoản 3 Khoản 4 Điều 17 Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của FiCO;

- b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của FICO. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của FICO. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 3 Điều 14 của Điều lệ này có quyền đề nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho FICO ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề nghị liên quan đến Khoản 4 của Điều này trong các trường hợp sau:
- a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua;
 - d. Các trường hợp khác.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa đề xuất quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; đề xuất được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
7. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.
8. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng

cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 22. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 23. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, FICO phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, FICO cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối hoặc bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ theo đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm

dùng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.

7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.

8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

9. Hội đồng quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm, FiCO tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 24. Thông qua Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 của Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý FiCO;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của FiCO;
- e. Tổ chức lại, giải thể FiCO;
- f. Thông qua việc sửa đổi bổ sung Điều lệ FiCO.

2. Các vấn đề khác thuộc quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng

cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ FICO.

4. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của FICO.

Điều 25. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có thể thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình theo thể thức lấy ý kiến bằng văn bản. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của FICO;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng công ty;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về FICO phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của FICO.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về FiCO phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến FiCO nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý FiCO. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Các quyết định đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của FiCO và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của FiCO theo đúng quy định của pháp luật;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của FiCO;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo tỷ lệ cụ thể được quy định tại khoản 1, 2 Điều 24 Điều lệ này.

Điều 26. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của FiCO theo đúng quy định của pháp luật. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ

tọa đại hội và Thư ký đại hội, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản ủy quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của FICO.

Điều 27. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ FICO;
2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ FICO.

Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Toà án, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Chương VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 28. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Tổng công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Tổng Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng Quản trị phải có đầy đủ các tiêu chuẩn sau:

- a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của FICO;

c. Thành viên Hội đồng quản trị FiCO có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị công ty khác;

d. Có sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có hiểu biết về pháp luật.

3. Đề cử ứng viên để bầu Hội đồng quản trị:

a. Các cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị, trừ việc đề cử bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đầu tiên.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế do FiCO quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị FiCO. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

6. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

d) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của FiCO.

Điều 29. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của FiCO phải chịu giám sát và chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý FiCO, có toàn quyền nhân danh FiCO để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của FiCO, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của FiCO và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể:

3.1. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề sau:

a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán; báo cáo của Hội đồng quản trị; các báo cáo tài chính năm;

b. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của FiCO.

c. Đề xuất mức cổ tức thanh toán hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó.

d. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại; đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền phù hợp với quy định tại Điều lệ của FiCO và quy định của pháp luật;

e. Cơ cấu, số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

f. Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính;

g. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ FiCO;

i. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

j. Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi FiCO; Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) FiCO và chỉ định người thanh lý;

k. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản FiCO hoặc chi nhánh của FiCO có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của FiCO được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

l. FiCO mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;

m. Phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Quy chế quản trị của FiCO;

n. FiCO hoặc các chi nhánh của FiCO ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 4 Điều 40 của Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của FiCO được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

3.2. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Triển khai mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, kế hoạch kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của FiCO sau khi được Đại hội đồng cổ đông FiCO thông qua;
- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý FiCO và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của FiCO;
- Giải quyết các khiếu nại của FiCO đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của FiCO để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền;
- Quyết định hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác, bán tài sản của FiCO theo thẩm quyền, phù hợp với Quy định quản trị nội bộ của FiCO và quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của FiCO, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm 1 Khoản 2 Điều 18 và Khoản 4, Khoản 6 Điều 40 của Điều lệ này;
- Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị của FiCO, Quy chế tài chính và các Quy chế nội bộ khác của FiCO;
- Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế và xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh trên cơ sở Quy định quản trị nội bộ của FiCO;

- Phê duyệt điều lệ/quy chế và nội dung sửa đổi, bổ sung của điều lệ/quy chế của các công ty do FICO sở hữu 100% vốn điều lệ;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của các công ty con do FICO sở hữu 100% vốn điều lệ;
- Quyết định việc đầu tư vào các công ty con theo thẩm quyền; quyết định phương án phối hợp kinh doanh của FICO với các công ty con; điều chỉnh vốn, các nguồn lực khác do FICO đầu tư giữa các công ty con theo điều lệ của các công ty con đó;
- Tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty liên kết của Tổng công ty sau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;
- Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ phần, vốn góp ở các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của FICO theo quy định;
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị;
- Quyết định cử người đại diện phần vốn góp của FICO ở doanh nghiệp khác;
- Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động của FICO, Giám đốc các đơn vị phụ thuộc của FICO; người đại diện phần vốn góp của FICO ở doanh nghiệp khác trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao và các quyết định của Hội đồng quản trị FICO theo quy định của Điều lệ FICO và quy định của pháp luật;
- Tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng hoặc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các quyền lợi khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người đại diện của FICO. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- Đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy quyết định này vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc xét thấy quyết định đó có khả năng gây bất lợi đối với FICO;
- Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của FICO;
- Quyết định quy chế quản trị nội bộ theo thẩm quyền;
- Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
 - Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.
 - Triển khai việc chi trả cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Quyết định cử thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đi học tập, công tác và giải quyết việc riêng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.
 - Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của FICO;
 - b. Thành lập các công ty con của FICO;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của FICO (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập công ty và liên doanh);
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được FICO uỷ nhiệm là đại diện thương mại và/hoặc luật sư của FICO;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của FICO;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài theo thẩm quyền;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào FICO không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của FICO, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ và các tài sản khác theo quy định của pháp luật;
 - i. Việc FICO mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) mỗi loại cổ phần đã phát hành;
 - j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của FICO.
 - k. FICO hoặc các chi nhánh của FICO ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 4 Điều 40 của Điều lệ này với giá trị dưới ba mươi lăm

phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của FICO được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;

1. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của FICO bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho FICO.

7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được. Thành viên Hội đồng quản trị điều hành ngoài phần thù lao cho công việc dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị được nhận lương theo quy chế lương của FICO.

8. Tổng số tiền trả thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ FICO, công ty con, công ty liên kết của FICO và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phân vốn góp phải công bố ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của FICO.

9. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu một Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm chức Tổng giám đốc.

2. Tiêu chuẩn của Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- a. Các tiêu chuẩn nêu tại Khoản 2 Điều 28 của Điều lệ này;
- b. Có trình độ đại học trở lên;

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của FICO, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày làm việc.

Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.

3. Chủ tịch triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của FiCO. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với FiCO; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình FiCO.

6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại FiCO.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết:

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 9 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một (01) phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của FiCO. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 9 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp quyết định. Phán quyết của Chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 8 Điều 40 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với FiCO và biết là mình có lợi ích trong đó, có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với FiCO, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

12. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

13. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp.

16. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

17. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

18. Những người được mời họp dự thính: Tổng giám đốc, những cán bộ quản lý khác và các chuyên gia của một bên thứ ba có thể dự họp Hội đồng quản trị theo lời mời của Hội đồng quản trị nhưng không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền biểu quyết như thành viên của Hội đồng quản trị.

Chương VIII **TỔNG GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của FiCO phải đảm bảo bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. FiCO có một Tổng giám đốc, một (hoặc một số) Phó Tổng giám đốc, một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.

Điều 33. Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, FiCO được tuyển dụng cán bộ quản lý cần thiết, với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý FiCO do Hội đồng quản trị quyết định tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của FiCO đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 34. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng giám đốc, và ký hợp đồng trong đó quy định rõ mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của FiCO.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này.

3. Người được tuyên chọn làm Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý, có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn và ít nhất ba (03) năm kinh nghiệm tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Công ty;

b. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật, thường trú tại Việt Nam;

c. Tổng giám đốc không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty mẹ và người đại diện phần vốn nhà nước tại Công ty;

d. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

4. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các biện pháp để triển khai các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của FiCO đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt FiCO ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của FiCO theo những thông lệ quản lý tốt nhất để thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;

c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của FiCO; tổ chức triển khai các quyết định về giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của FiCO;

d. Quyết định bán, thanh lý tài sản của FiCO theo phân cấp của Hội đồng quản trị tại Quy chế quản trị nội bộ của FiCO;

e. Quyết định, ký kết các hợp đồng vay, cho vay, thuê, cho thuê và các hợp đồng khác theo Quy chế quản trị nội bộ của FiCO, phù hợp với quy định của pháp luật;

f. Quyết định phương án sử dụng vốn, tài sản của Tổng công ty để góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp trong nước theo phân cấp của Hội đồng quản trị quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của FiCO;

g. Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà FiCO cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng

quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

h. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của FiCO; Quyết định ban hành chức năng nhiệm vụ của các phòng ban nghiệp vụ FiCO;

i. Quyết định ban hành các quy định, định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng... để áp dụng trong nội bộ của FiCO;

j. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong FiCO, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

k. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong FiCO kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

l. Tuyển dụng lao động, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng hoặc điều động, bổ nhiệm, luân chuyển, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và phụ cấp đối với cán bộ, nhân viên FiCO theo quy định của Pháp luật và Quy chế nội bộ của FiCO.

m. Kiểm tra việc thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ FiCO;

n. Giao kế hoạch hàng năm đã được phê chuẩn cho các đơn vị thành viên của FiCO;

o. Yêu cầu người đại diện phần vốn của FiCO tại các công ty con cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết để lập báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tổng hợp của công ty mẹ - công ty con, phù hợp với điều lệ của các công ty và quy định của pháp luật;

p. Được áp dụng các biện pháp cần thiết trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố) và phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị Tổng công ty và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

q. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

r. Chậm nhất vào ngày 15 tháng 12 hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.

s. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của FiCO;

t. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Tổng công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của FiCO theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình

để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của FICO.

u. Thực hiện tất cả các hoạt động, các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của FICO, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc và pháp luật.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Điều 35. Thư ký FICO

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một (hoặc một số) người làm Thư ký FICO với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký FICO khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thư ký FICO tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký FICO bao gồm:

- a. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- c. Tham dự các cuộc họp;
- d. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;
- e. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký FICO có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ FICO.

Chương IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ban kiểm soát

1. FICO có Ban kiểm soát; Ban kiểm soát FICO có quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, bao gồm những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- a. Thực hiện chức năng kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh nhằm đánh giá chính xác kết quả hoạt động kinh doanh và thực trạng tài chính của FICO, đảm bảo hoạt động của FICO an toàn và đúng pháp luật;

- b. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
 - c. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - d. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài FICO với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của FICO nếu thấy cần thiết;
 - e. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
 - f. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - g. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban điều hành FICO;
 - h. Xem xét báo cáo của FICO về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận; và
 - i. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của Tổng giám đốc.
 - j. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật.
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của FICO theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký FICO phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (02) người.
4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.

Điều 37. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng Ban kiểm soát phải đáp ứng đầy đủ điều kiện và tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 2 của Điều này. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng Ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

4. Các cổ đông nắm giữ số cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 40% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

5. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được FICO quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị FICO. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

6. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu được quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

7. Nghĩa vụ của Thành viên Ban Kiểm soát

- a) Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của FiCO và cổ đông của FiCO;

c) Trung thành với lợi ích của FiCO và cổ đông FiCO; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của FiCO, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của FiCO để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

e) Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các Điểm a, b, c và d của Điều khoản này mà gây thiệt hại cho FiCO hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó.

Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Điểm c của Điều khoản này đều thuộc sở hữu của FiCO;

f) Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát hoặc không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này hoặc quy định của pháp luật;

b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho FiCO và được chấp thuận;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

f. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho FiCO thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

Chương X

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA FiCO

Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 3 Điều 14 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của FiCO. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được uỷ quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của FiCO, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của FiCO vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. FiCO sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
4. Điều lệ của FiCO được công bố trên website của FiCO.

Chương XI

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 39. Trách nhiệm cần trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của FiCO và với một mức độ cần trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

- a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của FiCO và cổ đông của FiCO;
 - c. Trung thành với lợi ích của FiCO và cổ đông của FiCO; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của FiCO, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của FiCO để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - d. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho FiCO về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của FiCO.
2. Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi FiCO không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.

Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho FiCO vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của FiCO mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
3. FiCO không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Hợp đồng, giao dịch giữa FiCO với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:
 - a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của FiCO và những người có liên quan của họ;
 - b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
 - c) Doanh nghiệp quy định tại điểm khoản 2 Điều 164 của Luật doanh nghiệp.
5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của FiCO ghi trong báo cáo

tài chính gần nhất. Người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị; niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của FiCO dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

6. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.

7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều này. Người đại diện theo pháp luật của FiCO, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho FiCO các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

8. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa FiCO với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc FiCO, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

a. Đối với hợp đồng có giá trị dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này với tỷ lệ đồng ý hơn năm mươi phần trăm (50%) trên tổng số phiếu biểu quyết còn lại;

c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của FiCO vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc

FiCO
16
HNH

một tiêu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hay người có liên quan với các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. FiCO sẽ bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do FiCO là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được FiCO uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của FiCO với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của FiCO với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của FiCO, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của FiCO, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của FiCO được FiCO bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do FiCO là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Tổng công ty;

b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. FiCO có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

**Chương XII
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN****Điều 42. Trả Cổ tức**

1. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức và hình thức chi trả cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng tài chính và khả năng sinh lời của FICO.

3. FICO không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, FICO sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp FICO đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, FICO không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền FICO chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

7. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của FICO. FICO chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi FICO đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật; trích lập các quỹ của FICO (nếu có) và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, FICO vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Chương XIII

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 43. Tài khoản ngân hàng

1. FiCO sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, FiCO có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. FiCO sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà FiCO mở tài khoản.

Điều 44. Năm tài chính

Năm tài chính của FiCO bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 45. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán FiCO sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. FiCO lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. FiCO sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà FiCO tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của FiCO.
3. FiCO sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

Chương XIV

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 46. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. FiCO phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 48 của Điều lệ này, và trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán (khi niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của FiCO trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của FiCO cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Khi niêm yết, FiCO phải lập các báo cáo sáu (06) tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán, cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu (06) tháng và quý của FiCO phải được công bố trên website của FiCO.

Điều 47. Báo cáo thường niên

FiCO phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Chương XV KIỂM TOÁN FiCO

Điều 48. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán FiCO cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. FiCO phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

2. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của FiCO.

3. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán FiCO sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Chương XVI

ĐƠN VỊ PHỤ THUỘC VÀ CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA FiCO

Điều 49. Đơn vị phụ thuộc và công ty con của FiCO

1. FiCO có các đơn vị phụ thuộc và các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.
2. FiCO có thể thành lập các công ty con, đơn vị phụ thuộc, Chi nhánh, Văn phòng Đại diện ở trong nước và ở nước ngoài để hỗ trợ hoạt động kinh doanh của FiCO phù hợp với nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua và phù hợp với quy định của Pháp luật.

Điều 50. Mối quan hệ giữa FiCO với các đơn vị phụ thuộc

Các đơn vị phụ thuộc sẽ được báo cáo trong sổ kế toán của FiCO, sẽ thực hiện công việc hoạt động, kinh doanh, duy trì sổ kế toán, tổ chức hoạt động của mình, quản lý nguồn nhân lực và tiến hành các hoạt động khác theo quy chế của FiCO và có quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị. Quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị sẽ do Tổng giám đốc xây dựng và trình Hội đồng quản trị ban hành. FiCO sẽ chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh dưới tên của các đơn vị phụ thuộc đó.

Điều 51. Mối quan hệ giữa FiCO với các Công ty con, Công ty liên kết của FiCO

1. Với công ty con do FiCO sở hữu 100% vốn điều lệ:
FiCO là chủ sở hữu của các công ty con do FiCO sở hữu 100% vốn điều lệ. Hội đồng quản trị FiCO thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty con này.
Quyền và nghĩa vụ của FiCO đối với công ty con do FiCO sở hữu 100% vốn điều lệ được qui định tại Điều lệ của công ty con.
Đại hội đồng cổ đông và/hoặc Hội đồng quản trị của FiCO sẽ thực hiện các quyền sau đây phụ thuộc vào thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đối với công ty con:
 - a. Quyết định ngành nghề kinh doanh, mục tiêu, định hướng, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, kế hoạch 5 năm, hàng năm của công ty;
 - b. Quyết định nội dung điều lệ công ty con, sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty con theo đề nghị của hội đồng thành viên hoặc chủ tịch công ty.
 - c. Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ công ty cho tổ chức, cá nhân khác. Việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và điều lệ công ty con đó.
 - d. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác

của các chức danh quản lý của công ty.

e. Quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng theo phân cấp tại Quy chế quản trị nội bộ của FiCO.

f. Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản công ty theo quy định của pháp luật;

g. Quyết định thành lập công ty con, góp vốn vào công ty khác;

h. Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty.

i. Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty.

j. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

2. Với công ty con, công ty liên kết khác:

Công ty con, công ty liên kết là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, được thành lập, tổ chức và hoạt động theo qui định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của từng loại công ty đó.

FiCO là chủ sở hữu phần vốn của FiCO tại các công ty này. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị FiCO thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu theo thẩm quyền đối với vốn FiCO đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết này, bao gồm nhưng không giới hạn việc:

a. Bổ nhiệm, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật, quyết định phụ cấp và lợi ích của người đại diện sở hữu phần vốn của FiCO;

b. Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện xin ý kiến về những vấn đề quan trọng trước khi biểu quyết tại công ty con, công ty liên kết; yêu cầu người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác của công ty con; báo cáo việc sử dụng cổ phần, vốn góp chi phối để phục vụ định hướng phát triển và mục tiêu của FiCO;

c. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển phần vốn đã góp vào các công ty con, công ty liên kết; giám sát, kiểm tra việc sử dụng phần vốn đã góp vào các công ty con;

d. Yêu cầu công ty con, công ty liên kết cung cấp các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết như quy định để lập báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tổng hợp của FiCO;

3. Mối quan hệ giữa FiCO với các công ty con, công ty liên kết dựa trên nguyên tắc bình đẳng và độc lập giữa các pháp nhân. Mọi giao dịch mua bán, thuê và cho thuê, vay mượn và chuyển giao tài sản giữa FiCO với các công ty con, công ty liên kết được tiến hành trên cùng cơ sở như các pháp nhân khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của FiCO.

4. Hội đồng quản trị chỉ định một hay nhiều người đại diện FiCO để thực hiện các quyền của FiCO với tư cách là chủ sở hữu đối với các công ty con do FiCO sở hữu 100% vốn và quyền của chủ sở hữu phần vốn do FiCO đầu tư tại các công ty con, công ty liên kết là công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên phù hợp với Điều lệ này, Điều lệ các công ty con, công ty liên kết, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Việc chỉ định người đại diện phần vốn góp của FiCO phải được lập thành văn bản. Trình độ, quyền và nghĩa vụ của những người đại diện vốn góp của FiCO tại các công ty con, công ty liên kết do Hội đồng quản trị quyết định, phù hợp với Điều lệ này, điều lệ các công ty con, công ty liên kết, quy chế quản lý người đại diện của FiCO và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương XVII CON DẤU

Điều 52. Con dấu

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc phải sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương XVIII CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi FiCO

FiCO thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 54. Chấm dứt hoạt động

1. FiCO có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy đăng ký doanh nghiệp;
 - b. Toà án tuyên bố FiCO phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể FiCO do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Trong vòng sáu (06) tháng sau khi có quyết định giải thể FiCO, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên FiCO hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được FiCO ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của FiCO.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt FiCO trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý FiCO trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của FiCO;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi (nếu có) sẽ ưu tiên thanh toán trước.

**Chương XIX
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ****Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của FiCO hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định của Điều lệ FiCO, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với FiCO;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý.

Các bên liên quan sẽ giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp

tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

Chương XX **BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

Điều 57. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của FiCO chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của FiCO; những điều khoản trái pháp luật hoặc dẫn đến thi hành trái pháp luật trong Điều lệ này sẽ không được thi hành và sẽ được xem xét sửa đổi.

Chương XXI **NGÀY HIỆU LỰC**

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm hai mươi một (21) chương và sáu mươi một (58) điều, được Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1- CTCP nhất trí thông qua ngày 28/09/2016, được sửa đổi bổ sung lần 01 ngày 10 tháng 03 năm 2017 tại thành phố Hồ Chí Minh, được sửa đổi bổ sung lần 02 ngày ... tháng năm 2021 tại thành phố Hồ Chí Minh và có hiệu lực kể từ ngày Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1 - CTCP được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:

- a. Một (01) bản nộp tại Phòng đăng ký doanh nghiệp của địa phương;
- b. Năm (05) bản đăng ký tại cơ quan quản lý Nhà nước;
- c. Bốn (04) bản lưu trữ tại Văn phòng FiCO.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của FiCO

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ FiCO có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Họ, tên, Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của FiCO./.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Thông qua nội dung sửa đổi Quy chế quản trị Tổng công ty VLXD số 1-CTCP

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/8/2016, được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 75/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 03 năm 2017.

Hội đồng quản trị Tổng công ty VLXD số 1- CTCP trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc sửa đổi Quy chế Quản trị của Tổng công ty Vật liệu xây dựng Số 1 – CTCP như sau:

1. Nội dung sửa đổi:

STT	Điều khoản	Quy chế Quản trị hiện hành	Dự thảo Quy chế quản trị sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
1.	Khoản 3, Điều 5	3. Công ty tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định nội bộ của Tổng Công ty. Tổng Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền	3. Tổng Công ty tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định nội bộ của Tổng Công ty. Tổng Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp	Điều chỉnh dẫn chiếu	Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020. (Điều 18, khoản 2, Điều lệ Mẫu Áp dụng Công ty Đại chúng)

STT	Điều khoản	Quy chế Quản trị hiện hành	Dự thảo Quy chế quản trị sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 05 (năm) ngày trước ngày chốt danh sách. Tổng Công ty không hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Tổng Công ty hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định	Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày chốt danh sách. Tổng Công ty không hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Tổng Công ty hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định		
2.	Điều 8, Khoản 1	1. Thành viên Hội đồng quản trị là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng Công ty.	1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty; Và là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng Công ty.	Điều chỉnh dẫn chiếu	Điều 28 Điều lệ và Điều 17, khoản 2 Luật Doanh nghiệp
3.					

STT	Điều khoản	Quy chế Quản trị hiện hành	Dự thảo Quy chế quản trị sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
	Điều 8, khoản 3	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc và việc kiêm nhiệm này phải được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc công ty	Điều chỉnh dẫn chiếu	Điều 156, khoản 2 Luật Doanh nghiệp
4.	Điều 9 khoản 3	3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng tính đến thời điểm chốt danh sách cổ đông dự họp có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.	3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.	Điều chỉnh dẫn chiếu	Điều 115 Luật Doanh nghiệp
5.	Điều 14, Phần đầu	HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật thứ nhất của Tổng Công ty. Trừ khi ĐHĐCĐ quyết định khác, chủ tịch HĐQT có thể kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Tổng Công ty. Việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức Tổng Giám đốc phải được	HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật thứ nhất của Tổng Công ty.	Điều chỉnh dẫn chiếu	Điều 156, khoản 2 Luật Doanh nghiệp

STT	Điều khoản	Quy chế Quản trị hiện hành	Dự thảo Quy chế quản trị sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		Đại hội đồng cổ đông thông qua.			
6.	Điều 17, khoản 4, Dòng thứ 12	Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của FiCO, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm 1 Khoản 2 Điều 17 và Khoản 4, Khoản 6 Điều 39 của Điều lệ này;	Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của FiCO, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm 1 Khoản 2 Điều 18 và Khoản 4, Khoản 6 Điều 40 của Điều lệ này;	Điều chỉnh cho phù hợp với Điều lệ.	
	Điều 17, khoản 5	c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của FiCO (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập công ty và liên doanh);	c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của FiCO (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập công ty và liên doanh);		Điều 153, Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020
7.	Điều 24, khoản 2	2. Trường hợp họp lần thứ nhất bất thành do không hội đủ số các thành viên HĐQT tham dự theo quy định thì	2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba		Điều 157 Luật Doanh nghiệp (khoản 8)

STT	Điều khoản	Quy chế Quản trị hiện hành	Dự thảo Quy chế quản trị sửa đổi, bổ sung năm 2021	Lý do sửa đổi, bổ sung	Cơ sở pháp lý
		Chủ tịch HĐQT sẽ triệu tập phiên họp thứ hai trong thời hạn tối đa là mười lăm (15) ngày kể từ ngày họp lần thứ nhất bắt hành. Phiên họp lần thứ hai của HĐQT chỉ cần hơn một nửa số thành viên tham gia.	phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.		
8.	Điều 29, Khoản 2	2. Thành viên Ban kiểm soát không phải là cán bộ quản lý trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty.	2. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là cán bộ quản lý trong bộ phận kế toán, tài chính của FiCO và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của FiCO trong 03 năm liền trước đó.	Điều chỉnh dẫn chiếu	Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020. (Điều 37, Điều lệ Mẫu Áp dụng Công ty Đại chúng)
9.	Điều 32, Khoản 9	9. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.	9. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.	Điều chỉnh dẫn chiếu	Điều lệ Tổng công ty, Luật Doanh nghiệp
10.	Điều 47	Việc sửa đổi, bổ sung Quy Chế này do Hội đồng quản trị quyết định.	Việc sửa đổi, bổ sung Quy Chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định	Điều chỉnh dẫn chiếu	Điều 138 Luật Doanh nghiệp năm 2020

2. Ngoài những nội dung đề nghị sửa đổi nêu trên, Các nội dung các khác của Quy chế Quản trị Tổng công ty VLXD số 1- CTCP được giữ nguyên và có hiệu lực. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty thực hiện việc ban hành Quy chế Quản trị Tổng công ty theo đúng các quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua các nội dung trên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Có Dũng

T.C.P. ★ H.N.



(DỰ THẢO) QUY CHẾ QUẢN TRỊ

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1- CTCP

(Ban hành kèm theo quyết định số 15/QĐ-HĐQT ngày 27 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 – CTCP, sửa đổi lần 01, ngày tháng năm 2021)

TP.HCM, tháng 04 năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Đối tượng - Phạm vi điều chỉnh	4
Điều 2. Cơ cấu tổ chức quản trị của Tổng Công ty.....	4
CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	5
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	5
Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn	6
Điều 5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường	6
Điều 6. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	8
Điều 7. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.....	9
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
A. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 8. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị.....	9
Điều 9. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	10
Điều 10. Quy tắc đạo đức của thành viên HĐQT	10
Điều 11. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	12
B. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 12. Cơ cấu tổ chức của HĐQT	13
Điều 13. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT	13
Điều 14. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	14
Điều 15. Các tiểu ban của HĐQT	14
Điều 16. Các cơ quan tham mưu và hỗ trợ của HĐQT.....	15
Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT	15
Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	19
Điều 19. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền.....	20
C. CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ CỦA HĐQT	20
Điều 20. Chế độ làm việc.....	20
Điều 21. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT.....	20
D. CÁC PHIÊN HỌP CỦA HĐQT	21
Điều 22. Phiên họp định kỳ.....	21
Điều 23. Phiên họp bất thường	22
Điều 24. Điều kiện để tiến hành phiên họp HĐQT hợp lệ.....	23
Điều 25. Điều hành các phiên họp HĐQT	23
Điều 26. Biên bản, Nghị quyết các phiên họp HĐQT	24
Điều 27. HĐQT quyết định bằng phiếu biểu quyết	24

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT	26
Điều 28. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	26
Điều 29. Tư cách thành viên Ban kiểm soát	26
Điều 30. Thành phần Ban kiểm soát	26
Điều 31. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát	26
Điều 32. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	27
Điều 33. Thù lao của Ban kiểm soát	28
CHƯƠNG V: BAN ĐIỀU HÀNH.....	28
Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý của Tổng Công ty	28
Điều 35. Nguyên tắc làm việc của Ban Điều hành	29
Điều 36. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Điều hành.....	30
Điều 37. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	30
Điều 38. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Tổng Giám đốc.....	32
Điều 39. Chế độ công việc.....	33
CHƯƠNG VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH	34
Điều 40. Nguyên tắc phối hợp	34
Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban điều hành	34
Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban kiểm soát	35
Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành	37
CHƯƠNG VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	37
Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác.....	37
Điều 45. Giao dịch với người có liên quan.....	38
CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	39
Điều 46. Ngày hiệu lực	39
Điều 47. Sửa đổi bổ sung.....	39

CĂN CỨ:

- Căn cứ theo Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật hướng dẫn.
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP.

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng - Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định cụ thể các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1- CTCP (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty) liên quan đến cơ cấu tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của ĐHĐCD, Hội đồng quản trị (HDQT), các thành viên HDQT, các phòng ban trực thuộc HDQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc cũng như mối quan hệ giữa HDQT với ĐHĐCD, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc.
2. Quy chế này được áp dụng cho tất cả các Cổ đông và/hoặc các thành viên không phải là cổ đông song có tham gia vào việc quản lý điều hành hoạt động của Công ty.

Điều 2. Cơ cấu tổ chức quản trị của Tổng Công ty

Trên cơ sở các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định khác, dưới đây là các chủ thể cấu thành nên môi hình quản trị của Tổng Công ty.

1. Đại hội Đồng cổ đông (ĐHĐCD)

- ĐHĐCD là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng Công ty, thực hiện các chức năng cùng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ của Tổng Công ty và pháp luật Việt Nam.

2. Hội đồng Quản trị

- HDQT là cơ quan quản trị cao nhất của Tổng Công ty, có quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD theo quy định của Điều lệ và pháp luật có liên quan.

3. Tổng Giám đốc và Ban Điều hành (BDH)

- Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật thứ hai của Tổng Công ty và/với sự trợ giúp của Ban điều hành mà Tổng giám đốc là người đứng đầu, chịu trách nhiệm

điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty trên cơ sở tuân thủ các quyết định, nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT.

4. Ban Kiểm soát (BKS)

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý trong việc quản lý và điều hành Tổng Công ty, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

5. Văn phòng HĐQT

- Văn phòng HĐQT giữ vai trò là Thư ký Tổng Công ty và là cơ quan hỗ trợ thuộc HĐQT có trách nhiệm trợ giúp HĐQT và Chủ tịch HĐQT trong việc thực hiện các chức năng và nhiệm vụ của HĐQT và Chủ tịch HĐQT.

6. Kiểm toán nội bộ

- Kiểm toán nội bộ là bộ phận giúp việc trực thuộc HĐQT nhằm giúp HĐQT trong việc kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, kiểm toán tuân thủ, rà soát xây dựng các quy chế quản trị tài chính, soát xét các nguy cơ tiềm ẩn rủi ro, phân tích các thông tin quản lý và thông tin tài chính, kiểm tra xác nhận các thông tin quản lý và thông tin tài chính thông qua kiểm tra dữ liệu...

CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng Công ty, đặc biệt là:
 - a. Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong sổ cổ đông của công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Tổng Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được công bố đầy đủ cho cổ đông và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Tổng Công ty;

- d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty đối với các cổ đông có quyền biểu quyết;
 - e. Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần trong Tổng Công ty theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ về phát hành mới cổ phần theo từng thời điểm.
2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của cổ đông theo quy định của pháp luật, cổ đông có quyền đề nghị hủy quyết định đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới công ty, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải đền bù cho công ty theo trách nhiệm của mình. Cổ đông có quyền yêu cầu công ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Trách nhiệm của cổ đông lớn

1. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Tổng Công ty.
2. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Tổng Công ty và của các cổ đông khác, trong đó luôn phải đặt ưu tiên hàng đầu cho lợi ích tốt nhất của Tổng Công ty xét trong dài hạn.
3. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên phải được tổ chức mỗi năm 01 (một) lần trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.
2. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng Công ty, gồm các nội dung chính sau:

- a. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông; Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 21 Điều lệ Tổng Công ty.
- b. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:
Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức đã ghi trong thông báo. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ.
- c. Cách thức bỏ phiếu
Thế thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Tổng Công ty.
- d. Cách thức kiểm phiếu.
Số thẻ đồng ý nghị quyết được kiểm trước, số thẻ không đồng ý nghị quyết được kiểm sau. Đối với những vấn đề nhạy cảm đến lợi ích của Tổng Công ty và nếu cổ đông có yêu cầu, công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;
- e. Thông báo kết quả kiểm phiếu
Kết quả kiểm phiếu được thông báo ngay tại cuộc họp ĐHĐCĐ sau khi hoàn thành việc kiểm phiếu.
- f. Lập biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 26 Điều lệ Công ty.
- g. Hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 27 Điều lệ Công ty
- h. Thông báo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ra công chúng:

Việc thông báo quyết định của Đại hội đồng cổ đông ra công chúng tuân thủ quy định Công bố thông tin của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Tổng Công ty tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và các quy định nội bộ của Tổng Công ty. Tổng Công ty công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 05 (năm) ngày trước ngày chốt danh sách. Tổng Công ty không hạn chế cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông, tạo điều kiện cho cổ đông thực hiện việc ủy quyền đại diện tham gia Đại hội đồng cổ đông hoặc bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến. Tổng Công ty hướng dẫn thủ tục ủy quyền và lập giấy ủy quyền cho các cổ đông theo quy định.
4. Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm và thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.
5. Tổng Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham gia vào các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
6. Hàng năm Tổng công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Việc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
7. Tổng Công ty quy định trong Điều lệ Tổng Công ty các nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, Tổng Công ty phải đảm bảo gửi, công bố đầy đủ tài liệu và đảm bảo thời gian họp lý cho các cổ đông xem xét tài liệu trước khi gửi phiếu biểu quyết như trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính;

- b. Hoạt động và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;
- d. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
- e. Kết quả giám sát đối với các cán bộ quản lý khác;
- f. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 7. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các quyết định của Ban kiểm soát;
- c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty;
- d. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý của Tổng Công ty;
- e. Báo cáo đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

A. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị

- 1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 28 Điều lệ Công ty; Và là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Tổng Công ty.
- 2. Tổng Công ty cần hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm các chức danh quản lý trong bộ máy điều hành của Tổng Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
- 3. **Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm chức danh Tổng giám đốc công ty**

4. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 9. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được công bố tối thiểu 07 (bảy) ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - Họ tên, ngày tháng năm sinh;
 - Trình độ chuyên môn;
 - Quá trình công tác;
 - Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có);
 - Các thông tin khác (nếu có).
2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.
3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Việc đề cử ứng viên Hội đồng quản trị mà các cổ đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử phải tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.
4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị Tổng Công ty. Cơ chế Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.
5. Việc bỏ phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị/Ban Kiểm soát theo phương thức dồn phiếu theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 10. Quy tắc đạo đức của thành viên HĐQT

1. Các thành viên phải hành động một cách trong sáng, vô tư vì lợi ích tốt nhất của Tổng Công ty, vì lợi ích của các cổ đông của Tổng Công ty mà mình là người đại diện; phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế của Tổng Công ty áp dụng với mình.
2. Các thành viên có nghĩa vụ sử dụng các quyền được trao, thông tin được tiếp cận vì những mục đích đúng đắn vì lợi ích toàn cục của Tổng Công ty.
3. Các Thành viên không được trao quyền của mình lại cho người khác trừ những trường hợp được quy định cụ thể trong Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế này và phù hợp với qui định của pháp luật. Các Thành viên phải hoạt động một cách độc lập với những suy xét, đánh giá riêng của mình.
4. Các Thành viên có trách nhiệm thực thi quyền hạn và nhiệm vụ một cách cẩn trọng, có tính toán và đánh giá đầy đủ trước khi thực hiện hay đưa ra quyết định.
5. Các Thành viên có trách nhiệm tránh xung đột lợi ích giữa lợi ích Tổng Công ty và lợi ích cá nhân của mình hay của người có liên quan với mình. Trong trường hợp có xảy ra xung đột lợi ích, Thành viên có nhiệm vụ thông báo bằng văn bản ngay lập tức về xung đột đó đến các Thành viên khác.
6. Các Thành viên không được tham gia đưa ra quyết định đối với các giao dịch hoặc nhóm giao dịch mà họ hay người có liên của của họ có lợi ích trừ khi tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, và Quy chế này và được HĐQT miễn áp dụng.
7. Các Thành viên không được lợi dụng vị trí, quyền hạn của mình hay thông tin mà mình biết về Tổng Công ty để thu xếp, vun vén lợi ích cho các nhân mình hay người có liên quan của mình.
8. Các Thành viên có trách nhiệm bảo toàn tài sản của Tổng Công ty. Các Thành viên không được sử dụng tài sản của Tổng Công ty sai mục đích hoặc không được phép.
9. Các Thành viên có trách nhiệm bảo mật tất cả các thông tin của Tổng Công ty (trừ những thông tin đã được Tổng Công ty chính thức công bố hoặc cho phép công bố hay những thông tin đã được đại chúng biết thông qua con đường chính thức). Việc sử dụng, công bố thông tin phải tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và quy chế có liên quan của Tổng Công ty.

10. Các Thành viên không được nhận lợi ích do bên thứ ba cho hoặc đưa đến vì họ là Thành viên HĐQT của Tổng Công ty trừ khi việc tiếp nhận lợi ích đó được HĐQT thông qua bằng văn bản.
11. Các Thành viên HĐQT và những người có liên quan khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng Công ty.
12. Các Thành viên có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, các nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và của HĐQT và các quy chế của Tổng Công ty.

Điều 11. Quyền hạn và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Cùng với các thành viên khác của HĐQT thực hiện việc quản trị Tổng Công ty theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và quy định tại Quy chế này.
2. Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của một thành viên HĐQT theo đúng quy chế của Tổng Công ty và sự phân công của Chủ tịch HĐQT một cách trung thực, vì lợi ích của Tổng Công ty.
3. Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành Tổng Công ty, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo.
4. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT.
5. Yêu cầu Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.
6. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.
7. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo Điều lệ Tổng Công ty, trừ trường hợp không được biểu quyết vì vấn đề xung đột lợi ích. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước HĐQT về những quyết định của mình.
8. Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết của HĐQT.

9. Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu.
10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

B. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của HĐQT

HĐQT Công ty được tổ chức theo cơ cấu bao gồm:

- HĐQT gồm Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT được bầu và còn đủ tư cách thành viên HĐQT của Tổng Công ty theo đúng quy định của Điều lệ và Quy chế này.
- Văn phòng Hội đồng quản trị và các ban chuyên môn giúp việc trực tiếp cho HĐQT và chủ tịch HĐQT.

Điều 13. Nguyên tắc hoạt động của HĐQT

1. HĐQT hoạt động theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số quá bán (trên 50% số thành viên HĐQT tham dự họp hoặc trên 50% số thành viên có quyền tham gia biết quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này. Trong trường hợp số phiếu biết quyết phản đối và số phiếu biểu quyết tán thành ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc bên có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.
2. Trước ngày cuộc họp diễn ra và trong thời hạn mà thông báo yêu cầu triệu tập cuộc họp HĐQT quy định, các thành viên HĐQT được quyền yêu cầu bổ sung hay thay đổi chương trình nghị sự. Tại các cuộc họp của HĐQT, các Thành viên tự do thảo luận các vấn đề trong chương trình nghị sự đã phê duyệt và đưa ra các ý kiến của mình trong khuôn khổ nghị sự nhưng phải chấp hành các quyết định của HĐQT khi đã được HĐQT thông qua. Thành viên HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật và ĐHCĐ về các ý kiến của mình. Thư ký cuộc họp có trách nhiệm ghi lại trung thực, đầy đủ ý kiến phát biểu của các thành viên HĐQT và Biên bản cuộc họp HĐQT.
3. Các tiểu ban và hội đồng là cơ quan trực thuộc HĐQT được thành lập theo quy định trong Điều lệ Tổng Công ty và được HĐQT ủy quyền, phân cấp quyết định và hoạt động theo các quy định trong quy chế này và các quy chế khác của HĐQT. Các quyết định, văn bản của các tiểu ban và hội đồng ngày có hiệu lực khi được thông qua trên

cơ sở quá bán các thành viên dự họp có quyền biểu quyết, với điều kiện là có ít nhất 50% thành viên tiểu ban là thành viên HĐQT.

4. Các hành động thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban của HĐQT sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên củ tiểu ban hoặc HĐQT có thể có sai sót, trừ khi các hành động này trái với các quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty và quy chế này.
5. Những tiểu ban và hội đồng được thành lập với chức năng tư vấn và giúp đỡ HĐQT, Chủ tịch HĐQT không có chức năng quyết định thanh thế HĐQT và Chủ tịch.

Điều 14. Chủ tịch Hội đồng quản trị

HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật thứ nhất của Tổng Công ty.

1. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một hành viên khác để thực hiệ các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại thống nhất lựa chọn một người trong số các thành viên có mặt tạm thời thực hiện các nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán.
2. Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về các quyết định của mình trong phạm vi thẩm quyền theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty và các vấn đề được HĐQT ủy quyền, phân cấp quyết định theo quy định của Quy chế này.
3. Trường hợp chủ tịch HĐQT từ chức hoặc bị bãi nhiệm, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn từ nhiệm hoặc ngày bị bãi nhiệm.

Điều 15. Các tiểu ban của HĐQT

1. Các tiểu ban và hội đồng là cơ quan của HĐQT được HĐQT thành lập theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty.
2. Trừ khi có các quyết định khác của pháp luật liên quan đến quản trị doanh nghiệp và cơ cấu của các tiểu ban của HĐQT, thì căn cứ theo Điều lệ của Tổng Công ty, các thành viên HĐQT phải chiếm ít nhất một nửa tổng số thành viên của tiểu ban.

3. Trừ khi có quy định khác, các quyết định do các tiểu ban và và hội đồng thông qua theo thẩm quyền được HĐQT ủy quyền và quy định trong Quy chế này trên cơ sở đa số quá bán thành viên dự họp và khi đã được thông qua sẽ có giá trị tương đương như được HĐQT thông qua. Các tiểu ban và hội đồng phải báo cáo HĐQT hàng quý về hoạt động của mình và các quyết định được thông qua trong kỳ họp kế tiếp của HĐQT.
4. HĐQT có thể thành lập các tiểu ban trên cơ sở quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 16. Các cơ quan tham mưu và hỗ trợ của HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT vào từng thời điểm có thể thành lập các hội đồng hay các đơn vị khác nhau làm cơ quan tham mưu và giúp việc cho HĐQT.
2. Các văn bản do các hội đồng này đưa ra chỉ có tính chất khuyến nghị trừ trường hợp HĐQT hay Chủ tịch có quyết định khác.

Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT

1. Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng Công ty, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Tổng Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Tổng Công ty trừ những thẩm Quyền thuộc về ĐHĐCĐ.
3. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
4. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Tổng Công ty và quyết định của ĐHĐCĐ quy định, HĐQT có các quyền hạn sau:
 - Triển khai mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, kế hoạch kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của FICO sau khi được Đại hội đồng cổ đông FICO thông qua;
 - Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý FiCO và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của FiCO;
- Giải quyết các khiếu nại của FiCO đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của FiCO để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền;
- Quyết định hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định các dự án đầu tư, góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác, bán tài sản của FiCO theo thẩm quyền, phù hợp với Quy định quản trị nội bộ của FiCO và quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của FiCO, trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại Điểm 1 Khoản 2 Điều 18 và Khoản 4, Khoản 6 Điều 40 của Điều lệ này;
- Ban hành, phê duyệt Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế quản trị của FiCO, Quy chế tài chính và các Quy chế nội bộ khác của FiCO;
- Thông qua phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế và xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh trên cơ sở Quy định quản trị nội bộ của FiCO;
- Phê duyệt điều lệ/quy chế và nội dung sửa đổi, bổ sung của điều lệ/quy chế của các công ty do FiCO sở hữu 100% vốn điều lệ;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của các công ty con do FiCO sở hữu 100% vốn điều lệ;

- Quyết định việc đầu tư vào các công ty con theo thẩm quyền; quyết định phương án phối hợp kinh doanh của FiCO với các công ty con; điều chỉnh vốn, các nguồn lực khác do FiCO đầu tư giữa các công ty con theo điều lệ của các công ty con đó;
- Tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty liên kết của Tổng công ty sau khi được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông;
- Thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ của chủ sở hữu cổ phần, vốn góp ở các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của FiCO theo quy định;
- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị;
- Quyết định cử người đại diện phần vốn góp của FiCO ở doanh nghiệp khác;
- Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động của FiCO, Giám đốc các đơn vị phụ thuộc của FiCO; người đại diện phần vốn góp của FiCO ở doanh nghiệp khác trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ do Hội đồng quản trị giao và các quyết định của Hội đồng quản trị FiCO theo quy định của Điều lệ FiCO và quy định của pháp luật;
- Tuyển chọn, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng hoặc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, mức lương và các quyền lợi khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người đại diện của FiCO. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- Đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc nếu xét thấy quyết định này vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc xét thấy quyết định đó có khả năng gây bất lợi đối với FiCO;
- Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích của những người đó;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của FiCO;
- Quyết định quy chế quản trị nội bộ theo thẩm quyền;
- Quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc.
- Triển khai việc chi trả cổ tức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Quyết định cử thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc đi học tập, công tác và giải quyết việc riêng ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

5. Những vấn đề sau phải được HĐQT phê chuẩn

- a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của FiCO;
- b) Thành lập các công ty con của FiCO;
- c) Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng của FiCO (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập công ty và liên doanh);
- d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được FiCO uỷ nhiệm là đại diện thương mại và/hoặc luật sư của FiCO;
- e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của FiCO;
- f) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách hoặc các khoản đầu tư vượt quá mười phần trăm (10%) giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài theo thẩm quyền;
- h) Việc định giá các tài sản góp vào FiCO không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của FiCO, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ và các tài sản khác theo quy định của pháp luật;

- i) Việc FiCO mua hoặc thu hồi không quá mười phần trăm (10%) mỗi loại cổ phần đã phát hành;
- j) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của FiCO.
- k) Quyết định về việc FiCO hoặc các chi nhánh của FiCO ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 4 Điều 40 của Điều lệ Tổng Công ty với giá trị dưới ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của FiCO được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- l) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;

Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch HĐQT là người chịu trách nhiệm chung tổ chức thực hiện mọi công việc của HĐQT; điều khiển họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, tổ chức phân công nhiệm vụ cho các thành viên để thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty và Luật doanh nghiệp, chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về công việc của mình;
2. Chủ tịch HĐQT ký các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản hoặc thông qua các văn bản thuộc thẩm quyền của HĐQT; việc ủy quyền cho các thành viên HĐQT khác ký thay phải được thực hiện bằng văn bản.
3. Chủ tịch HĐQT triệu tập, chủ trì các cuộc họp HĐQT và phân công thành viên HĐQT chuẩn bị nội dung các cuộc họp HĐQT; ĐHĐCĐ; thông báo nội dung cuộc họp và yêu cầu Tổng giám đốc, Ban kiểm soát hoặc cán bộ quản lý khác (nếu thấy cần thiết) chuẩn bị các tài liệu, báo cáo;
4. Chủ tịch HĐQT phân công nhiệm vụ cho các thành viên HĐQT; nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.
5. Chủ tịch HĐQT theo dõi và đôn đốc quá trình thực hiện các nghị quyết của HĐQT;
6. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Người được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền

1. Trong trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì việc ủy quyền bằng văn bản cho ủy viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.
2. Người được Chủ tịch HĐQT ủy quyền có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Là người thay mặt Chủ tịch HĐQT thực thi các quyền được ủy quyền khi Chủ tịch HĐQT vắng mặt.
 - b. Ký các văn bản được Chủ tịch HĐQT ủy quyền.
 - c. Trực tiếp phụ trách một số công việc cụ thể do Chủ tịch HĐQT phân công và ủy quyền.
 - d. Có quyền từ chối nhận ủy quyền khi xét thấy có những điều trái với pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

C. CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC, TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ CỦA HĐQT

Điều 20. Chế độ làm việc

Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT làm việc theo các chế độ sau đây:

- Thành viên HĐQT làm việc toàn thời gian: gồm Chủ tịch HĐQT và các thành viên làm việc toàn thời gian tại Tổng Công ty.
- Thành viên HĐQT làm việc không toàn thời gian: Các thành viên HĐQT không làm việc thường xuyên tại Tổng Công ty

Điều 21. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT

1. Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT do HĐQT thống nhất ấn định, căn cứ theo chế độ làm việc toàn thời gian hay kiêm nhiệm của mỗi thành viên, trong khuôn khổ hạn mức đã được ĐHCĐ hàng năm phê duyệt.
2. Thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình theo mức đã được HĐQT thông qua, bao gồm cả chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của HĐQT, hoặc các Ủy ban của HĐQT hoặc

DHĐCĐ. Thành viên HĐQT cung cấp cho Tổng Công ty các hóa đơn, chứng từ liên quan đến các khoản chi phí mà thành viên HĐQT đã trực tiếp chi.

3. Thành viên HĐQT làm việc toàn thời gian tại Tổng Công ty, ngoài thù lao như các thành viên HĐQT sẽ được hưởng lương theo quyết định của Tổng Công ty.

D. CÁC PHIÊN HỌP CỦA HĐQT

Điều 22. Phiên họp định kỳ

1. HĐQT họp định kỳ mỗi quý một lần không muộn hơn ngày làm việc cuối cùng của tháng đầu tiên của quý tiếp theo trừ khi Chủ tịch có quyết định khác. Ngày họp cụ thể do Chủ tịch HĐQT quyết định trên cơ sở tham khảo ý kiến với các thành viên HĐQT. Thành phần tham dự bao gồm các thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Thư ký và các thành phần khác theo quyết định của Chủ tịch. Các thành viên HĐQT phải tham dự họp đúng giờ và đúng thành phần. Trường hợp vắng mặt thì thành viên HĐQT phải ủy quyền cho người có đủ tư cách đạo đức, năng lực theo quy định của pháp luật, tuân thủ theo Quy chế này, tham dự họp HĐQT hoặc gửi ý kiến bằng văn bản về những nội dung dự kiến thông qua tại cuộc họp HĐQT.
2. Phiên họp định kỳ của HĐQT do Chủ tịch quyết định triệu tập và chủ trì. Trong trường hợp không tổ chức cuộc họp HĐQT vào thời gian nhất định, Chủ tịch HĐQT phải có thông báo cho các thành viên HĐQT biết trước 01 ngày làm việc.
3. Trước các phiên họp định kỳ, Chủ tịch HĐQT yêu cầu Tổng Giám đốc chuẩn bị báo cáo về kết quả kinh doanh trong quý, dự kiến quý tiếp theo và các vấn đề cần thiết trình HĐQT biểu quyết thông qua theo thẩm quyền của HĐQT.
4. Thư mời họp, chương trình họp dự kiến sẽ được gửi đến các Thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc người được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền, Tổng Giám đốc (qua thư điện tử, fax, hoặc chuyển phát nhanh) 10 ngày trước ngày họp dự kiến. Các thành viên HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc có thể kiến nghị Chủ tịch HĐQT bổ sung vào chương trình họp những nội dung mà người kiến nghị nhận thấy là quan trọng và cấp thiết. Kiến nghị này phải được gửi tới Chủ tịch HĐQT trong vòng 4 ngày làm việc kể từ ngày nhận thông báo họp được gửi để Chủ tịch quyết định đưa vào chương trình họp chính thức. Chủ tịch có quyền yêu cầu người có yêu cầu bổ sung chương trình cung cấp tài liệu về nội dung bổ sung có liên quan. Quá thời hạn trên mà các bên không có yêu cầu thay đổi, bổ sung chương trình họp thì coi như đã đồng ý

hoàn toàn và không còn yêu cầu thay đổi, bổ sung nào khác với chương trình của kỳ họp đó trừ khi được HĐQT quyết định thay đổi bằng đa số quá bán. Chương trình họp chính thức cuối cùng (không còn được thay đổi bổ sung) và các tài liệu cuộc họp chính thức được gửi đến các thành phần tham dự họp chậm nhất 5 ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có thể biểu quyết bằng văn bản để miễn các kỳ hạn trên cho trường hợp đó.

5. Nội dung họp thường kỳ của HĐQT

- Đánh giá tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh quý trước, thông qua và bàn biện pháp chỉ đạo thực hiện kế hoạch hoạt động của quý tiếp theo;
- Nghe báo cáo và đóng góp ý kiến với Tổng Giám đốc về tình hình triển khai thực hiện các quyết định của HĐQT trong phiên họp quý trước cùng những quyết định quan trọng của Chủ tịch HĐQT giữa hai kỳ họp;
- Bàn và quyết định những vấn đề có liên quan đến việc triển khai thực hiện các mục tiêu, chương trình công tác quý, năm của Tổng Công ty;
- Thông qua các quy chế và các quy định được xây dựng mới hoặc được bổ sung sửa đổi thuộc thẩm quyền quyết định ban hành của HĐQT;
- Bàn và quyết định các vấn đề khác có liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT; và
- Các nội dung khác theo chương trình họp chính thức đã được Chủ tịch thông báo theo khoản 4 Điều này.

Điều 23. Phiên họp bất thường

1. HĐQT có thể họp bất thường do:

- Chủ tịch HĐQT quyết định triệu tập;
- Đề nghị của ít nhất hai (2) Thành viên HĐQT;
- Yêu cầu của đa số thành viên Ban Kiểm soát;
- Đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (5) cán bộ quản lý khác.

2. Chủ tịch HĐQT gửi thư triệu tập họp HĐQT trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị tại Khoản 1 Điều này. Các cuộc họp HĐQT phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; Những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 1 trên đây có thể tự mình triệu tập họp HĐQT.

3. Nội dung phiên họp bất thường do Chủ tịch HĐQT quyết định hoặc do người đề nghị triệu tập phiên họp bất thường chuẩn bị. Tài liệu phục vụ cho họp bất thường phải được gửi đến các thành viên HĐQT ít nhất 5 ngày làm việc trước ngày họp dự kiến trừ trường hợp Chủ tịch HĐQT có yêu cầu khác.
4. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có thể biểu quyết bằng văn bản để miễn các kỳ hạn trên.

Điều 24. Điều kiện để tiến hành phiên họp HĐQT hợp lệ

1. Cuộc họp HĐQT được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp tính cả trường hợp ủy quyền hợp lệ tham dự và biểu quyết thay. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến cả tất cả những người dự họp.
2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền). Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
3. Thành viên HĐQT tự động bị miễn nhiệm nếu không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 6 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng được Chủ tịch xác nhận. Thành viên không vắng mặt tại phiên họp HĐQT quá 1 lần/năm nếu không sẽ bị đưa ra kiểm điểm, và trong trường hợp nghiêm trọng có thể bị yêu cầu bãi miễn tại phiên họp gần nhất của ĐHCĐ.

Điều 25. Điều hành các phiên họp HĐQT

1. Chủ tịch HĐQT là người chủ trì và điều hành các phiên họp HĐQT (dù là họp thường kỳ hay họp bất thường). Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt thì thành viên HĐQT được Chủ tịch ủy quyền sẽ là người chủ trì và điều hành phiên họp HĐQT.
2. Mỗi thành viên HĐQT có một phiếu biểu quyết có giá trị ngang nhau. Các quyết định của HĐQT đối với các vấn đề tại Khoản 4 Điều 17 phải được trên 50% số thành viên HĐQT tham dự họp biểu quyết thông qua thì mới có hiệu lực thực hiện. Trường hợp

số phiếu biểu quyết ngang nhau thì bên nào có ý kiến của Chủ tịch HĐQT là bên quyết định.

3. Đối với những vấn đề quan trọng có liên quan đến nhân sự, tiền vốn, lợi ích của Tổng Công ty và nghĩa vụ của các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, thì người chủ trì phiên họp HĐQT có thể quyết định tiến hành biểu quyết bằng phiếu kín.
4. Trường hợp biểu quyết quyết định một hợp đồng kinh tế hay một giao ước dân sự với Tổng Công ty mà bên kia có đại diện là thành viên HĐQT của Tổng Công ty hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan trực tiếp đến một thành viên HĐQT thì thành viên này không được tham gia biểu quyết, đồng thời cũng không được tính vào số thành viên cần thiết để tiến hành phiên họp.

Điều 26. Biên bản, Nghị quyết các phiên họp HĐQT

1. Thư ký cuộc họp ghi Biên bản các cuộc họp HĐQT, Nội dung các phiên họp HĐQT và ý kiến phát biểu của từng thành viên HĐQT tại cuộc họp phải được Thư ký ghi chép trung thực và đầy đủ vào Biên bản, đồng thời phải có đủ chữ ký của các thành viên dự họp. Chủ tọa và Thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung Biên bản họp HĐQT. Biên bản họp HĐQT và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.
2. Trên cơ sở Biên bản họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết phiên họp và quyết định với nội dung gồm những vấn đề đã được các thành viên HĐQT nhất trí thông qua tại phiên họp.
3. Thư ký có trách nhiệm sao hoặc trích sao phổ biến các quyết định của HĐQT trong các phiên họp đến các thành viên HĐQT, các thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc cùng các thành viên khác có liên quan của Tổng Công ty chậm nhất ba (3) ngày làm việc kể từ ngày các thành viên HĐQT dự họp ký đầy đủ vào Biên bản.

Điều 27. HĐQT quyết định bằng phiếu biểu quyết

1. Trong thời gian giữa các kỳ họp, Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ký kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT. Phiếu biểu quyết được gửi kèm theo tờ trình của Tổng Giám đốc (nếu có) và các tài liệu có liên quan tới nội dung biểu quyết.
2. Lấy ý kiến trong trường hợp thông thường: Trong thời hạn tối đa 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phiếu biểu quyết và đầy đủ tài liệu liên quan kèm theo, các thành

viên HĐQT có trách nhiệm nghiên cứu, quyết định nội dung biểu quyết và gửi Phiếu biểu quyết về Tổng Công ty. Việc gửi phiếu biểu quyết, tài liệu có thể được thực hiện dưới các hình thức:

- Thư tin: gửi chuyển phát nhanh tới văn phòng HĐQT
 - Fax: Phiếu biểu quyết gửi qua fax đến số fax của văn phòng HĐQT có giá trị tương đương bản ký gốc;
 - Email: Trường hợp phiếu biểu quyết qua email thì người biểu quyết phải gửi ý kiến biểu quyết qua hộp thư đăng ký chính thức của mình về địa chỉ email chính thức của Chủ tịch, văn phòng HĐQT, hoặc địa chỉ email khác do HĐQT thông báo vào từng thời điểm.
3. Trong trường hợp khẩn cấp hoặc yêu cầu của hoạt động sản xuất kinh doanh, Chủ tịch HĐQT quyết định việc lấy ý kiến nhanh các thành viên HĐQT (tính chất của việc lấy ý kiến sẽ được ghi trên phiếu). Trong thời hạn tối đa là 24 giờ kể từ thời điểm gửi phiếu xin ý kiến biểu quyết, tài liệu kèm theo, các thành viên HĐQT có trách nhiệm xem xét và quyết định các nội dung biểu quyết và gửi ý kiến biểu quyết về Tổng Công ty theo các hình thức sau:
- Văn bản trực tiếp đến văn phòng HĐQT;
 - Fax đến số fax của văn phòng HĐQT;
 - Email đến email của văn phòng HĐQT.
4. Văn phòng HĐQT có trách nhiệm tổng hợp phiếu biểu quyết và lập Biên bản kiểm phiếu biểu quyết dưới sự chứng kiến của đại diện Ban Kiểm soát. Gửi cho các thành viên HĐQT Quyết định của HĐQT, Biên bản kiểm phiếu biểu quyết và các tài liệu liên quan khác.
5. Các quyết định của HĐQT chỉ được thông qua và có hiệu lực khi được sự đồng ý của trên 50% số thành viên HĐQT có quyền tham gia ý kiến bằng văn bản gửi phiếu đồng ý. Kết quả biểu quyết bằng phiếu ý kiến có giá trị như các quyết định trong một phiên họp bình thường của HĐQT.
6. Các trường hợp phiếu biểu quyết có nội dung không đồng ý hoặc có ý kiến khác, thành viên có liên quan cần phải trao đổi ngay với Chủ tịch HĐQT qua điện thoại hoặc bằng văn bản về lý do, khúc mắc liên quan.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 28. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự việc ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định tại Điều lệ của Tổng Công ty.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Tổng Công ty. Cơ chế đề cử của Ban kiểm soát đương nhiệm được công bố rõ ràng và được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 29. Tư cách thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của công ty.
2. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là cán bộ quản lý trong bộ phận kế toán, tài chính của FiCO và không phải là thành viên hay nhân viên của Công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của FiCO trong 03 năm liền trước đó.

Điều 30. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) người. Trong Ban kiểm soát có ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.
2. Trưởng Ban kiểm soát là người có kinh nghiệm về kế toán, kiểm toán, quản trị tài chính.

Điều 31. Quyền tiếp cận thông tin của thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Tổng Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin theo yêu cầu của các thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty.
3. Tổng Công ty cam kết đảm bảo cơ chế hỗ trợ thành viên Ban kiểm soát hoạt động và thực thi nhiệm vụ một cách có hiệu quả theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước cổ đông của Tổng Công ty về các hoạt động giám sát của mình. Ban kiểm soát có trách nhiệm giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cổ đông và các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Tổng Công ty và cổ đông.
2. Ban kiểm soát có trách nhiệm rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty. Ban kiểm soát có trách nhiệm thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông.
3. Ban kiểm soát phải họp ít nhất bốn (04) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 02 (hai) người. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên Ban kiểm soát quan tâm.
5. Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao
6. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng Công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị

trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

7. Ban kiểm soát có quyền lựa chọn và đề nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng Công ty.
8. Ban kiểm soát có trách nhiệm đề cử nhân sự ứng cử vào Ban kiểm soát của các công ty con, công ty liên kết có vốn góp của Tổng công ty.
9. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 33. Thù lao của Ban kiểm soát

Hàng năm các thành viên Ban kiểm soát được hưởng thù lao cho việc thực hiện nghĩa vụ của Ban kiểm soát. Thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Tổng số thù lao, các khoản lợi ích khác cũng như chi phí mà Tổng Công ty đã thanh toán, cấp cho từng thành viên Ban kiểm soát được công bố trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty và cho các cổ đông.

CHƯƠNG V: BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 34. Tổ chức bộ máy quản lý của Tổng Công ty

1. Hệ thống quản lý của Tổng Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và trực thuộc sự lãnh đạo của HĐQT. Bộ máy quản lý của Tổng Công ty đứng đầu là ban điều hành gồm một (01) Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, một Kế toán trưởng và các chức danh khác do HĐQT bổ nhiệm vào từng thời điểm.
2. Các thành viên Ban Điều hành do HĐQT và tùy từng trường hợp do Chủ tịch bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy chế này, với nhiệm vụ thực hiện công tác điều hành các công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty theo chỉ đạo của HĐQT và dưới sự lãnh đạo của Tổng Giám đốc.
3. Ban điều hành của Tổng Công ty sẽ bao gồm các thành viên thường trực sau:
 - Tổng Giám đốc;
 - Các Phó Tổng Giám đốc;
 - Kế toán trưởng; và các chức danh khác do HĐQT bổ nhiệm vào từng thời điểm.

4. HĐQT bổ nhiệm một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm TGD; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của TGD phải được báo lại ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng Công ty.
5. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng là năm (5) năm và có thể được tái bổ nhiệm lại. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào hợp đồng lao động hoặc hết thời hạn bổ nhiệm. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng không phải là người pháp luật cấm giữ chức vụ này.
6. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với cán bộ quản lý cao cấp do HĐQT quyết định trên cơ sở đề xuất của Chủ tịch.
7. Phó Tổng Giám đốc có thể chuyên trách và chịu trách nhiệm một bộ phận trong hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tùy thuộc vào sự sắp xếp, ủy quyền của Tổng Giám đốc hoặc do HĐQT phân công trực tiếp. Khi được Chủ tịch HĐQT chỉ định, một Phó Tổng Giám đốc có thể thay mặt Tổng Giám đốc Tổng Công ty trước các quan hệ đối tác và Nhà nước khi Tổng Giám đốc vắng mặt hoặc không có khả năng thực thi quyền hạn của mình vì bất cứ lý do nào. Trong trường hợp Tổng Giám đốc mất khả năng thực thi các quyền hạn của mình, thì Chủ tịch HĐQT có thể tạm thời chỉ định một Phó Tổng Giám đốc làm tạm quyền Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho đến khi Tổng Giám đốc có đủ khả năng tiếp nhận lại vị trí. Việc bổ nhiệm tạm thời này cần đưa ra HĐQT phê duyệt tại cuộc họp HĐQT gần nhất.

Điều 35. Nguyên tắc làm việc của Ban Điều hành

1. Ban điều hành dưới sự lãnh đạo của Tổng Giám đốc, hoạt động độc lập theo nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Luật doanh nghiệp, các Luật có liên quan, Điều lệ Tổng Công ty và các quy chế có liên quan, chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT về mọi hoạt động của mình.
2. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật thứ hai của Tổng Công ty, chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT, các quyết định và chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.
3. Những người được bổ nhiệm giữ chức Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác có trách nhiệm tiếp nhận việc bàn giao và đảm nhiệm ngay công việc theo chức danh

được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bổ nhiệm hoặc cho các thành viên khác của Ban Điều hành trong thời hạn năm (5) ngày làm việc kể từ ngày quyết định bãi nhiệm, miễn nhiệm có hiệu lực, đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với toàn bộ công việc đã thực hiện trong thời gian làm thành viên Ban Điều hành.

Điều 36. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Điều hành

1. Thực thi các quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT;
2. Giám sát, đánh giá các trường phòng, Giám đốc các đơn vị trực thuộc;
3. Đề xuất chiến lược và triển khai chiến lược và các kế hoạch kinh doanh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy chế này;
4. Tìm hiểu, đề xuất và triển khai các dự án đầu tư đã được phê duyệt;
5. Xây dựng kế hoạch kinh doanh của Tổng Công ty trình HĐQT xem xét phê duyệt hàng năm;
6. Thực hiện các nhiệm vụ được HĐQT, Chủ tịch ủy quyền và các giao dịch thuộc phạm vi hoạt động kinh doanh thông thường của Tổng Công ty;
7. Đề xuất và thực hiện các mục tiêu và kế hoạch hành động về tài chính hoặc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy chế;
8. Phát hiện và quản trị các loại rủi ro mà Tổng Công ty gặp phải trong quá trình hoạt động kinh doanh;
9. Thực hiện việc giám sát và chỉ đạo các hoạt động kinh doanh hàng ngày của các doanh nghiệp trong Tổng Công ty phù hợp với nghị quyết, quyết định, định hướng của ĐHĐCĐ, HĐQT và Chủ tịch HĐQT.

Điều 37. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật thứ hai của Tổng Công ty, chịu trách nhiệm điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT và các quyết định chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT.
2. Tổng Giám đốc thay mặt Ban Điều hành quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của

ĐHĐCĐ, HĐQT, Chủ tịch HĐQT và các vấn đề khác không nằm trong thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

3. Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, và các quy chế khác, Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:
 - a. Chịu trách nhiệm quản trị và chỉ đạo chung các công việc hàng ngày trong Ban Điều hành;
 - b. Thay mặt Ban Điều hành trong việc thông qua và ban hành các quy trình nghiệp vụ của Tổng Công ty, các quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh và công việc hàng ngày của Tổng Công ty;
 - c. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT, Chủ tịch HĐQT;
 - d. Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phwong án đầu tư của Tổng Công ty;
 - e. Có quyền tuyển dụng, ký quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh còn lại trong Tổng Công ty không thuộc thẩm quyền của HĐQT, Chủ tịch HĐQT, nhưng phải tuân thủ sơ đồ tổ chức do cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy chế này;
 - f. Có quyền đề xuất lên Chủ tịch HĐQT phê duyệt việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, kế toán trưởng của các công ty thành viên của Tổng Công ty;
 - g. Kiến nghị Chủ tịch HĐQT số lượng và các loại Cán bộ quản lý mà Tổng Công ty cần tuyển dụng để HĐQT xem xét nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt, và tư vấn đề HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý đó;
 - h. Có quyền quyết định bậc lương, mức lương, phụ cấp của các cán bộ, nhân viên phù hợp với mức lương của chức danh, Quy chế Lương thưởng và các quy chế nội bộ Tổng Công ty do HĐQT ban hành, trong phạm vi thẩm quyền tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - i. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty;

- j. Ký các quyết định, chỉ thị và các văn bản liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty thuộc thẩm quyền của Tổng Giám đốc quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và quy chế này;
 - k. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất (khi HĐQT, Chủ tịch, hoặc BKS yêu cầu) liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của Điều lệ Tổng Công ty và quy chế này;
 - l. Phối hợp thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty;
 - m. Ký kết các hợp đồng giao dịch, kinh doanh, mua sắm cho Tổng Công ty thuộc phạm vi thẩm quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty, Quy chế tài chính và các Quy định về phân cấp thẩm quyền và phê duyệt tài chính của Tổng Công ty, cụ thể:
 - n. Ký kết các hợp đồng vay vốn ngắn hạn; các hợp đồng vay khác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và quy chế này;
 - o. Quyết định đối với giá trị đầu tư tài sản cố định, trang thiết bị trên cơ sở kế hoạch mua sắm hàng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy chế này và tuân thủ các quy định về đấu thầu mua sắm nhằm đảm bảo lợi ích cao nhất cho Tổng Công ty;
 - p. Quyết định việc thanh lý, nhượng bán các tài sản cố định đã hết khấu hao hoặc những tài sản cố định vẫn chưa hết khấu hao có nguyên giá nhỏ hơn 10% giá trị tài sản cố định được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;
 - q. Phê duyệt các chi phí hoạt động Công ty theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy chế này.
 - r. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của HĐQT và Chủ tịch.
4. Trường hợp vắng mặt trong thời gian quá 15 ngày, Tổng Giám đốc phải ủy quyền cho một hoặc một số thành viên cán bộ quản lý trong Ban Điều hành thực hiện công tác điều hành thay mặt Tổng Giám đốc và phải báo cáo Chủ tịch HĐQT về thời gian, lý do vắng mặt và người thay thế hoặc những người được ủy quyền công tác.

Điều 38. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Tổng Giám đốc

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và các quy chế khác, Phó Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Tham mưu, giúp việc Chủ tịch, Tổng Giám đốc trong việc chỉ đạo, điều hành hoạt động của Tổng Công ty;
- Thực hiện những nhiệm vụ được HĐQT, Chủ tịch, Tổng Giám đốc giao phó;
- Chịu trách nhiệm điều hành, quản lý thay mặt Tổng Giám đốc trong khuôn khổ công việc được giao phụ trách;
- Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, hoặc đột xuất theo yêu cầu của Tổng Giám đốc về các nhiệm vụ, lĩnh vực được phân công;
- Đề xuất ý kiến, biện pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến nhiệm vụ được phân công và góp ý để giải quyết các công việc khác liên quan để tổ chức, hoạt động của Tổng Công ty;
- Khi được ủy quyền thay mặt Tổng Giám đốc thực hiện vai trò của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm hoàn toàn trước HĐQT, ĐHCĐ và Nhà nước về các quyết định của mình trong thời gian được ủy quyền và có trách nhiệm báo cáo cho Tổng Giám đốc những vấn đề đã được giải quyết trong thời gian Tổng Giám đốc đi vắng.

Điều 39. Chế độ công việc

1. Ban Điều hành làm việc trên cơ sở tập thể, tiến hành họp định kỳ hàng tuần hoặc hàng tháng hoặc bất thường để quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của mình.
2. Ban điều hành phải tiến hành họp giao ban hàng tuần, hàng tháng với Giám đốc các công ty thành viên trong Tổng Công ty.
3. Tổng Giám đốc chủ trì và quyết định các vấn đề đưa ra trong cuộc họp Ban điều hành.

T.C.P. ★

M.S.D.A. ★

CHƯƠNG VI: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Điều 40. Nguyên tắc phối hợp

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành phối hợp trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- a. Luôn vì lợi ích chung của Tổng Công ty.
- b. Tuân thủ nghiêm túc các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ và các quy định của Tổng Công ty.
- c. Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch.
- d. Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao nhất, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp tháo gỡ các vướng mắc, khó khăn.

Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban điều hành

1. Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, ký hợp đồng lao động; chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về điều hành mọi hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty.
2. Ban điều hành dưới sự lãnh đạo của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Chủ tịch HĐQT. Trường hợp trong khi thực hiện nghị quyết, quyết định của HĐQT, phát hiện thấy vấn đề không có lợi cho Tổng Công ty thì Tổng Giám đốc báo cáo với HĐQT để điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó. Nếu HĐQT không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến, báo cáo cho Ban kiểm soát và nêu kiến nghị tại ĐHĐCĐ.
3. Ngoài những việc thuộc thẩm quyền của HĐQT và Chủ tịch, Ban điều hành dưới sự lãnh đạo của Tổng Giám đốc có quyền chủ động quyết định điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty; Quyết định các biện pháp vượt quá thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố các sự kiện bất khả kháng khác và để tận dụng các cơ hội kinh doanh của Tổng Công ty), nhưng Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm cá nhân về những quyết định đó, đồng thời phải báo cáo ngay lập tức cho Chủ tịch HĐQT và HĐQT về việc ra quyết định đó.

4. Chủ tịch có thể mời thành viên Ban điều hành tham gia các cuộc họp của HĐQT, Chủ tịch các tiểu ban của HĐQT (nếu có) có thể mời các thành viên của Ban điều hành tham dự các cuộc họp của tiểu ban tương ứng khi cần thiết.
5. Tổng Giám đốc phải họp giao ban với Chủ tịch HĐQT hàng tuần về các vấn đề điều hành trong Tổng Công ty. Chủ tịch có quyền yêu cầu họp với Ban điều hành để xem xét, đánh giá, cho ý kiến về công tác điều hành của Ban điều hành.
6. Ngoài ra Tổng Giám đốc chủ động gặp gỡ báo cáo, cập nhật thông tin về tình hình hoạt động của Tổng Công ty, báo cáo các khó khăn, vướng mắc với Chủ tịch HĐQT và đề xuất HĐQT phương án giải quyết. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm tôn trọng và lắng nghe các ý kiến của Tổng Giám đốc để nghiên cứu và triệu tập họp HĐQT xem xét, quyết định phương án giải quyết các khó khăn vướng mắc của Tổng Công ty, tạo điều kiện tối đa cho Tổng Giám đốc sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.
7. Các thành viên HĐQT có quyền nhưng không bắt buộc tham dự các buổi họp giao ban hàng tháng hoặc các cuộc họp chuyên đề của Ban điều hành nhưng phải chịu trách nhiệm tuân thủ chặt chẽ việc bảo vệ bí mật kinh doanh của Tổng Công ty. Các thành viên HĐQT phải thường xuyên nắm bắt thông tin về các đơn vị thành viên và các đơn vị trực thuộc để thực hiện tốt chức năng quản lý của HĐQT. Thường xuyên lắng nghe và xử lý kịp thời các kiến nghị của các đơn vị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT Tổng Công ty.
8. Tổng Giám đốc phải gửi Báo cáo quản lý về tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Tổng Công ty cho HĐQT, Ban kiểm soát và Chủ tịch theo quy định sau:
 - **Báo cáo tháng:** Tổng Giám đốc gửi báo cáo tháng trong vòng 10 ngày làm việc đầu tiên của mỗi tháng, trong đó báo cáo số liệu cơ bản về kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty dựa trên số liệu đóng sổ kế toán của Tổng Công ty vào tháng trước liền kề.
 - **Báo cáo quý:** Tổng Giám đốc báo cáo quý ít nhất 14 ngày làm việc trước ngày họp định kỳ hàng quý của HĐQT.

Điều 42. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT với Ban kiểm soát

1. HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.

17/04/2014 10:00

2. HĐQT tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.
3. Chủ tịch HĐQT gửi thông báo và các tài liệu kèm theo mời Ban kiểm soát tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị. Tại các cuộc họp này HĐQT phải lắng nghe, tôn trọng các ý kiến đóng góp, đề xuất và kiến nghị của Ban Kiểm soát và phản ánh vào biên bản nội dung của cuộc họp đó.
4. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp kiểm tra của Ban Kiểm soát, HĐQT phải nghiên cứu và chỉ đạo Tổng Giám đốc phối hợp xây dựng kế hoạch củng cố chấn chỉnh. HĐQT cần có biện pháp xử lý nghiêm đối với các đơn vị và cá nhân liên quan có thái độ né tránh, trì trệ hoặc không chịu chỉnh sửa sai sót, khắc phục các vi phạm sau kiểm tra, giám sát của ban kiểm soát.
5. Hàng quý, Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban Kiểm soát phải tổ chức họp chung để trao đổi, thảo luận về các vấn đề của Tổng Công ty thuộc thẩm quyền của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành.
6. Trưởng Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo cho HĐQT những vấn đề phát sinh tại cuộc họp của Ban Kiểm soát, mọi biên bản họp Ban kiểm soát phải được gửi tới Hội đồng quản trị. Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện các trường hợp vi phạm của cán bộ quản lý theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty.
7. HĐQT có quyền đề nghị Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, kiểm toán nếu phát hiện những sự việc có khả năng gây tổn hại đến quyền lợi của Tổng công ty.
8. Ban kiểm soát đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Tổng Công ty.
9. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.
10. HĐQT đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT cũng như biên bản họp HĐQT sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 43. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành

1. Ban điều hành phải thông báo cho Ban kiểm soát về lịch họp cụ thể của các cuộc họp do Ban điều hành tổ chức, trường hợp xét thấy cần thiết, Trưởng ban kiểm soát hoặc các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Tổng Công ty.
2. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Tổng Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
4. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 44. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị các giao dịch giữa Tổng

2400
NGTY
AY DUY
1
TY
IÁN
IÒ CH

Công ty, công ty con, công ty do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Tổng Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên theo quy định của pháp luật.

4. Tổng Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Hội đồng quản trị có quyết định khác, đồng thời thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong Báo cáo thường niên của Tổng Công ty.
6. Các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 45. Giao dịch với người có liên quan

1. Thẩm quyền phê duyệt việc ký kết hợp đồng giao dịch với người có liên quan được quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và chi tiết tại Quy định phân cấp thẩm quyền tài chính của Tổng Công ty.
2. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Tổng Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.
3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Tổng Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty.
4. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Tổng Công ty.

CHƯƠNG IX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 46. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm IX chương, 47 Điều được Hội Đồng Quản Trị Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 - CTCP thống nhất thông qua ngày 27 tháng 10 năm 2016 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này, được sửa đổi bổ sung lần 01 theo Nghị quyết sốngày..... của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Tổng Công ty. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị Tổng Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty hoặc người được uỷ quyền.

Điều 47. Sửa đổi bổ sung

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 29/8/2016, được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 75/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 03 năm 2017,

Hội đồng quản trị Tổng công ty VLXD số 1- CTCP trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Vật liệu xây dựng Số 1 – CTCP (Dự thảo Quy chế đính kèm). Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty thực hiện việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng công ty Vật liệu xây dựng Số 1 – CTCP theo đúng quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ;
- Lưu VT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Dũng



TP. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

**(ĐU THẢO) QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1-CTCP**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Vật liệu xây dựng số 1- CTCP

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty VLXD số 1- CTCP

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty bao gồm các nội dung sau:

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Tổng Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực

hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Tổng công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của các đơn vị trong Tổng Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Tổng công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Tổng Công ty, công ty con, công ty khác do Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Tổng Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty và của đơn vị trong Tổng Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Tổng công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 (năm) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các

thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Tổng công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng Công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Các Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Tổng công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Tổng công ty. Thư ký Tổng công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Tổng Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Tổng công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị như sau:

020
ÔNG T
KẾ D
1
G TY
HÂN
HỒ C

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Tổng Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

- b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng Công ty và các bên có liên quan của Tổng Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Tổng công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Tổng công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ Tổng công ty và Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn

nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Tổng công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Tổng Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Tổng Công ty; yêu cầu phá sản Tổng Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của các tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Tổng Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Tổng công ty gây thiệt hại cho Tổng Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Tổng Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Tổng Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo

tài chính gần nhất theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty giữa Tổng Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Tổng Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Tổng Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn

07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Tổng công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản

11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội

đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành (trên 50%); trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo

cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Tổng Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Tổng Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Tổng Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao

gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Tổng Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Tổng Công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Tổng Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Tổng Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị

thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần bao gồm 07 chương và 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày..tháng.. năm...

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Số: 109/BKS-TT

TP HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2021



TỜ TRÌNH

Về: *Thông qua Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát*

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

TỔNG CÔNG TY VLXD SỐ 1 – CTCP

- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty VLXD số 1 – Công ty Cổ phần;

Nhằm đảm bảo hoạt động của Ban Kiểm soát tại Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 – CTCP đáp ứng các quy định của pháp luật hiện hành, Ban Kiểm soát đã xây dựng dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Ban Kiểm soát Tổng công ty thực hiện việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo đúng các quy định pháp luật

Kính trình Đại hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (phối hợp);
- Ban Tổng giám đốc (phối hợp);
- Lưu BKS TCT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Phạm Việt Thắng



TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 4 năm 2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1 - CTCP

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ của Tổng công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng 4 năm 2021.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty VLXD số 1 - CTCP.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty VLXD số 1 - CTCP (viết tắt là Ban kiểm soát FiCO) bao gồm các nội dung sau:

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát FiCO quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty FiCO và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát FiCO được áp dụng cho Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát và các cá nhân, tổ chức có liên quan trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh tại FiCO.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Tổng công ty FiCO, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Tổng công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Tổng công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Tổng công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Tổng công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Tổng công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát FiCO có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Tổng công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát FiCO phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Tổng công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Tổng công ty, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác;

- d) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty;
- e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Tổng công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình với người quản lý doanh nghiệp, Người đại diện vốn Tổng công ty tại các đơn vị Tổng Công ty tham gia góp vốn.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty (nếu có) có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Quy chế này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng

số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ Tổng công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Tổng công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Tổng công ty và các bên có liên quan của Tổng công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty;

g) Tổng công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Tổng công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Tổng công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12: Nhiệm vụ của Trưởng Ban kiểm soát

- Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát sau khi thống nhất với HĐQT ký ban hành.

- Lập chương trình, kế hoạch giám sát, kiểm tra định kỳ (quý/năm) và phân công tổ chức thực hiện.

- Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập HĐQT bất thường theo quy định Luật doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

- Trao đổi ý kiến với Tổng công ty về các nội dung nêu trong báo cáo của Ban kiểm

soát trước khi chính thức báo cáo với ĐHĐCĐ.

- Tham dự các cuộc họp của Tổng công ty; các phiên họp mở rộng của HĐQT.
- Chấp hành các quy định khác của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 13: Nhiệm vụ của thành viên Ban kiểm soát

- Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ, quyết định của ĐHĐCĐ; chấp hành phân công của Trưởng Ban kiểm soát trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tham dự các cuộc họp của Tổng công ty; các phiên họp mở rộng của HĐQT.
- Chấp hành các quy định khác của Pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 14. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

- a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
- b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Tổng công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Tổng công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Tổng công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 15. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ Tổng công ty có quy định khác.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Tổng công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Tổng công ty hoàn lại.

Chương IV
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 16. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 17. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Tổng công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán



được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Tổng công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 19. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ Tổng công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Tổng công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Tổng công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Tổng công ty phải kê khai cho Tổng công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Tổng công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty khác do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Tổng công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 22. Mối quan hệ với Cổ đông

- Ban kiểm soát thay mặt Đại hội đồng cổ đông thực hiện giám sát về việc quản lý và điều hành hoạt động của Tổng công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao nhằm bảo vệ lợi ích của Tổng công ty và Cổ đông.

- Ban kiểm soát và các kiểm soát viên của Ban kiểm soát phải luôn trung thành với lợi ích của Tổng công ty, lợi ích của Cổ đông; chịu trách nhiệm trước cổ đông về việc thẩm định tính chính xác, trung thực của các số liệu, hồ sơ liên quan đến hoạt động của Tổng công ty. Ban kiểm soát có trách nhiệm gửi báo cáo giám sát cho ĐHĐCĐ, báo cáo các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm soát nếu có yêu cầu của ĐHĐCĐ, cổ đông lớn.

Điều 23. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

- Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc Tổng công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Tổng công ty.

- Được HĐQT và Tổng giám đốc Tổng công ty cung cấp đầy đủ, kịp thời các văn bản thuộc về chủ trương, chính sách, các văn bản của Tổng công ty và các tài liệu có liên quan đến hoạt động của Tổng công ty theo yêu cầu.

- Được đảm bảo công cụ, phương tiện cần thiết để Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình.

- Được cung cấp các tài liệu liên quan đến các cuộc họp HĐQT vào đúng thời điểm và phương thức như đối với thành viên HĐQT.

- Được gửi báo cáo của Tổng giám đốc trình HĐQT hoặc các tài liệu khác do Tổng công ty phát hành vào đúng thời điểm và phương thức như đối với thành viên HĐQT. Các báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm của Tổng công ty phải được gửi cho Ban kiểm soát trước ngày tổ chức đại hội 30 ngày làm việc để thẩm định.

- Được mời tham dự các cuộc họp giao ban, hội nghị của Tổng công ty. Ban kiểm soát có quyền phát biểu ý kiến và có những kiến nghị trong các cuộc họp.

- Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao, tham khảo ý kiến các thành viên HĐQT về hoạt động của Ban kiểm soát cũng như nội dung báo cáo của Ban kiểm soát trước khi trình lên ĐHĐCĐ.

- Phối hợp chặt chẽ với HĐQT và Ban Tổng giám đốc trong quá trình hoạt động. Tham mưu cho HĐQT về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập hoặc đề xuất về việc thuê chuyên gia. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Mối quan hệ với phòng Tài chính Kế toán

- Ban kiểm soát trong quá trình làm việc với các Cán bộ Phòng Tài chính Kế toán phải giữ tính độc lập, khách quan, đồng thời phối hợp chặt chẽ, không gây cản trở lẫn nhau khi thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình.

- Ban kiểm soát được nhận các báo cáo, các hợp đồng kinh tế, các sổ chi tiết theo quy định định kỳ bằng văn bản và các file dữ liệu hoặc các nội dung khác khi Ban kiểm soát yêu cầu.

Điều 25. Mối quan hệ với các Phòng ban khác, đơn vị trực thuộc

- Ban kiểm soát và các Phòng ban và đơn vị trực thuộc trong Tổng công ty phối hợp, hợp tác gắn bó, thường xuyên phản ánh, trao đổi với nhau những vướng mắc, nghi vấn, ... để có phương án triển khai, kiểm tra, giám sát kịp thời và chính xác. Không gây cản trở lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

- Ban kiểm soát được nhận các văn bản và giải trình về các quy chế, định mức, kế hoạch tài chính, Hợp đồng kinh tế... Ban hành nội bộ của các Phòng ban và đơn vị trực thuộc khi có yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 26. Mối quan hệ với Thư ký Hội đồng Quản trị Tổng công ty

- Ban kiểm soát nhận được các Biên bản cuộc họp giao ban, HĐQT, ĐHCĐ, các cuộc họp khác theo nhiệm vụ của Thư ký HĐQT Tổng Công ty được giao.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Tổng công ty VLXD Số 1 - CTCP bao gồm 7 chương, 27 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Số: 110/TTr-HĐQT

Tp. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc miễn nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty

Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ Tổng Công Ty Vật Liệu Xây Dựng Số 1 - CTCP được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/09/2016 và sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 10/03/2017,

Trên cơ sở Đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị của Ông Hồ Đình Thuần, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT ngày 15/01/2021 thông báo đã nhận được đơn của Ông Hồ Đình Thuần về việc xin thôi chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Vật liệu xây dựng Số 1 – CTCP nhiệm kỳ 2016-2021 kể từ ngày 15/01/2021.

Thực hiện đúng quy định pháp luật và Điều lệ Tổng công ty về việc thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định về việc:

Miễn nhiệm chức danh Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty VLXD Số 1 – CTCP nhiệm kỳ 2016-2021 đối với Ông Hồ Đình Thuần kể từ ngày 15/01/2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Tổng công ty VLXD Số 1 – CTCP xem xét, quyết định.

Trân trọng,

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Đình

Số: 111/BKS

Tp. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2021



TỜ TRÌNH

V/v: ~~Miễn nhiệm~~ Thành viên BKS với ông Hồ Bảo Hùng

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY VLXD SỐ 1 – CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa 13 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty VLXD số 1 – Công ty Cổ phần;
- Căn cứ Đơn xin từ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát của ông Hồ Bảo Hùng ngày 27/07/2020,

Ngày 27/07/2020 ông Hồ Bảo Hùng - thành viên Ban Kiểm soát gửi đơn đề nghị từ nhiệm chức danh thành viên Ban Kiểm soát FiCO kể từ ngày 01/08/2020.

Ban Kiểm soát trình Đại hội Cổ đông thông qua việc miễn nhiệm tư cách thành viên Ban Kiểm soát của ông Hồ Bảo Hùng theo Đơn đề nghị.

Kính trình Đại hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT (phối hợp);
- Ban Tổng giám đốc (phối hợp);
- Lưu BKS TCT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Phạm Việt Thắng

Số: 112/TTTr-ĐHĐCĐ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 05 năm 2021

TỜ TRÌNH**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021***V/v Thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán***Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY VLXD SỐ 1-CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ Tổng công ty Vật liệu xây dựng Số 1 - CTCP được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/09/2016 và sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 10/03/2017;
- Căn cứ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán.

Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán, tại Tài liệu đại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 được đăng tại website Tổng Công ty VLXD số 1 - CTCP (www.fico.com.vn).

Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam.

Các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Chỉ tiêu		BCTC riêng	BCTC hợp nhất
1	Tổng tài sản	2.298.225.700.191	3.105.686.237.863
1.1	Tài sản ngắn hạn	1.120.970.067.835	1.419.413.685.421
1.2	Tài sản dài hạn	1.177.255.632.356	1.686.272.552.442
2	Tổng nguồn vốn	2.298.225.700.191	3.105.686.237.863
2.1	Nợ phải trả, trong đó:	994.500.190.991	1.606.174.493.478
	- Nợ phải trả ngắn hạn	936.504.606.059	1.531.763.583.884
	- Nợ phải trả dài hạn	57.995.584.932	74.410.909.594
2.2	Vốn chủ sở hữu	1.303.725.509.200	1.499.511.744.385
3	Tổng doanh thu và thu nhập	2.267.189.345.709	2.798.368.730.003
	- Doanh thu thuần bán hàng	2.048.948.861.339	2.715.540.201.435
	- Doanh thu hoạt động tài chính	209.023.319.346	33.832.760.458
	- Thu nhập khác	9.217.165.024	48.995.768.110
4	Lợi nhuận kế toán trước thuế	26.178.948.097	103.309.835.786
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	25.387.458.135	63.311.089.141
6	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	X	56.957.103.308
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	X	448



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Co Dũng



Số: M.3./TTr-ĐHĐCĐ

TP.HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 Về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY VLXD SỐ 1-CTCP

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ Tổng công ty Vật liệu xây dựng Số 1 - CTCP được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/09/2016 và sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 10/03/2017;
- Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 tại Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán,

Hội đồng Quản trị trình Đại hội trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

Stt	Nội dung	Số tiền
I	Tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.860.953.626
1	Các năm trước để lại	473.495.491
2	Năm 2020	25.387.458.135
II	Phương án phân phối	3.808.118.721
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế năm 2020)	2.538.745.814
2	Quỹ đầu tư phát triển (5% lợi nhuận sau thuế năm 2020)	1.269.372.907
3	Chia cổ tức: 0%. Lý do: - Dự phòng khoản phải nộp bổ sung vào Ngân sách Nhà nước khoảng 31 tỷ đồng. - Cân đối dòng tiền phục vụ hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.	-
III	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối để lại	22.052.834.905

Kính trình Đại Hội Đồng cổ đông xem xét và thông qua.
Trân trọng!

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Có Dưng

Số: *M4*/TTr-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021***Về Thù lao thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
Tổng công ty Vật liệu xây dựng Số 1 – Công ty cổ phần***Kính trình: QUÝ CỔ ĐÔNG TỔNG CÔNG TY VLXD SỐ 1-CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ vào Điều lệ Tổng công ty Vật liệu xây dựng Số 1 - CTCP được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28/09/2016 và sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 10/03/2017;
- Căn cứ Quy chế quản trị Tổng công ty Vật Liệu Xây Dựng Số 1 – CTCP được HĐQT Tổng Công ty ban hành ngày 27/10/2016;
- Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ban hành ngày 29/06/2020;
- Căn cứ kết quả SXKD năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Tổng công ty,

Hội đồng quản trị Tổng công ty Vật liệu xây dựng Số 1 – CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phê duyệt mức thù lao đã chi trả cho Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Tổng công ty trong năm 2020 và thông qua kế hoạch trả thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2021 như sau:

1. Thù lao đã chi trả cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Tổng công ty năm 2020:

- Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ban hành ngày 29/06/2020, Tổng công ty đã chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm 2020 như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao/tháng	Số tháng	Số tiền	Ghi chú
I	Hội đồng quản trị				504.000.000	
1	Tô Dũng	Chủ tịch HĐQT	10.000.000	12	120.000.000	Giữ chức từ 15/11/2018 (QĐ 331/QĐ-HĐQT)
2	Đỗ Thị Hiếu	TV.HĐQT	8.000.000	12	96.000.000	Bổ nhiệm từ 09/01/2019 (QĐ 12/QĐ-HĐQT)
3	Võ Thành Nhân	TV HĐQT	8.000.000	12	96.000.000	Bổ nhiệm từ 27/12/2019 (QĐ 232/QĐ-HĐQT)



STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao tháng	Số tháng	Số tiền	Ghi chú
4	Hồ Đình Thuận	TV.HĐQT	8.000.000	12	96.000.000	Bổ nhiệm từ 14/03/2018 (QĐ 43/QĐ-HĐQT)
5	Nguyễn Xuân Thắng	TV.HĐQT	8.000.000	12	96.000.000	Bổ nhiệm từ 15/03/2018 (QĐ 48/QĐ-HĐQT)
II	Ban Kiểm soát				191.000.000	
1	Phạm Việt Thắng	Trưởng BKS	8.000.000	12	96.000.000	
2	Đào Quang Sơn	TV.BKS	5.000.000	12	60.000.000	
3	Hồ Bảo Hùng	TV.BKS	5.000.000	6	30.000.000	Từ nhiệm ngày 27/07/2020
4	Trần Linh Chi	TV BKS	5.000.000	1	5.000.000	Thực hiện ủy quyền trong tháng 7/2020
	Tổng cộng				695.000.000	

2. Kế hoạch thù lao năm 2021 cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Tổng công ty:

- Mức thù lao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị: 10.000.000 đồng/tháng
- Mức thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị: 8.000.000 đồng/người/tháng
- Mức thù lao cho Trưởng Ban Kiểm soát: 8.000.000 đồng/tháng
- Mức thù lao cho Thành viên Ban Kiểm soát: 5.000.000 đồng/người/tháng.

Thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được trả vào cuối mỗi tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết và thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Đình





TP. HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2021 của Tổng Công ty Vật liệu xây dựng số 1 - CTCP

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
TỔNG CÔNG TY VLXD SỐ 1 – CTCP**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 do Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa 14 thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty VLXD số 1 – Công ty Cổ phần;

Để phục vụ cho công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng Công ty FiCO (bao gồm BCTC Công ty mẹ và BCTC hợp nhất) theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Tổng công ty, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tổng Công ty FiCO lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Tổng công ty với một số tiêu chuẩn lựa chọn đơn vị kiểm toán như sau:

- Là đơn vị được Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán.
- Là đơn vị có uy tín, kinh nghiệm trong lĩnh vực kiểm toán và tư vấn tài chính các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng, bất động sản và khai thác khoáng sản.
- Chi phí kiểm toán hợp lý, tiết kiệm, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán theo yêu cầu của Tổng Công ty.

Kính trình Đại hội Đồng Cổ Đông xem xét và thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT(phối hợp);
- Ban Tổng giám đốc (phối hợp);
- Lưu BKS TCT.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Phạm Việt Thắng